**BuddhaSasana** [**Home Page**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\index.html)This document is written in Vietnamese, with **Unicode Times** font

**Tiểu Bộ Kinh - Tập VII**

**Chuyện Tiền Thân Đức Phật (IV)**

***Giáo sư Trần Phương Lan dịch Việt***

|  |
| --- |
| **Chương X Phẩm Mười Bài Kệ**  **439. Chuyện Bốn Cổng Thành (Tiền thân Catu-Dvàra)**  ***Thành sắt này xây bốn cổng cao...,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo phóng dật.*  *Các chi tiết câu chuyện đã được nêu ra trong số 427, chuyện Tiền thân đầu tiên của Chương IX. Ở đây, một lần nữa bậc Ðạo Sư hỏi Tỷ-kheo này:*  *Có đúng như Tăng chúng nói rằng ông bất tuân giới luật?*  *- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*  *Ngài bảo:*  *- Ngày xưa, cũng vì bất tuân lời dạy bảo của các bậc trí nhân, mà ông phải nhận lấy một bánh xe sắc như dao cạo.*  *Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Ngày xưa vào thời đức Phật Kassapa (Ca-diếp), tại thành Ba-la-Nại có một thương gia làm chủ tài sản đến tám trăm triệu đồng, nhưng chỉ sinh được một trai tên là Mittavindaka. Cha mẹ cậu này đã đi vào hướng Dự Lưu, song cậu vẫn là một kẻ theo ác hạnh, không có lòng tin vào Ðạo.  Về sau, khi cha cậu mất, mẹ cậu thay thế điều hành sản nghiệp ấy, bà bảo con như vầy:  - Này con, thân người khó được, vậy con hãy bố thí, tu tập công đức, giữ ngày trai giới và lắng tai nghe Pháp.  Cậu đáp lại:  - Này mẹ, không có chuyện bố thí, tu tập gì cả với con đâu, đừng bao giờ nhắc chúng với con nữa, con sống thế nào thì ngày sau con theo nghiệp đó.  Vào một ngày rằm trăng tròn, khi cậu cũng nói như trên, mẹ cậu đáp:  - Con ơi, hôm nay được dành làm ngày trai giới thanh tịnh. Vậy ngày nay con hãy phát nguyện giữ giới, đi viếng tinh xá và lắng nghe Pháp suốt đêm, rồi khi con trở về, mẹ sẽ cho con một ngàn đồng tiền nhé.  Vì tham số tiền ấy, cậu bằng lòng ngay. Ngay khi ăn sáng xong, cậu đi đến tinh xá, ở lại đó suốt ngày; song từ đầu hôm cho đến lúc canh tàn, chẳng một lời Giáo pháp này lọt vào tai cậu cả. Cậu đi nằm một nơi và ngủ thẳng giấc. Ngày hôm sau, từ tảng sáng, cậu rửa mặt và đi về nhà, ngồi phịch xuống.  Bấy giờ, mẹ cậu nghĩ thầm: "Hôm nay, sau khi nghe Pháp, con ta sẽ về từ sáng sớm, dẫn theo vị Trưởng lão đã giảng Pháp". Vì thế, bà nấu cháo sẵn, với thức ăn đủ loại cứng và mềm, sửa soạn chỗ ngồi xong, đợi con về. Khi bà thấy con đi về một mình, bà hỏi:  - Này con, sao con không đưa về vị Pháp sư?  - Mẹ ạ, chẳng có Pháp sư nào giảng cho con cả. Cậu đáp.  Bà mẹ bảo:  - Thế thì con húp cháo này đi.  Cậu nói:  - Mẹ đã hứa cho con một ngàn đồng tiền, mẹ ạ. trước tiên mẹ hãy trao tiền cho con, rồi sau đó con mới húp cháo.  - Húp cháo trước đi con, rồi con sẽ được tiền kia mà.  Cậu bảo:  - Không được, con không muốn húp cháo cho đến khi con được tiền kia.  Thế là bà mẹ đặt túi tiền một ngàn đồng trước mặt cậu. Cậu liền húp cháo, xong cậu lấy túi tiền một ngàn đồng đi làm công chuyện của cậu; và cứ thế về sau, chẳng bao lâu cậu kiếm được hai triệu đồng tiền.  Lúc ấy, cậu chợt nghĩ ra rằng cậu muốn tậu lấy một con tàu rồi đi làm ăn trên đó. Thế là cậu sắm tàu, rồi bảo mẹ:  - Mẹ à con có ý định đi làm ăn trên tàu này.  Bà mẹ đáp:  - Con là con độc nhất của mẹ, mà trong nhà mình hiện có nhiều tài sản lắm rồi; còn biển cả lại đầy nguy hiểm, con đừng đi.  Song cậu bảo:  - Con quyết ra đi, mẹ không thể cản con được đâu.  Bà tiếp:  - Này, mẹ cứ muốn cản con đấy.  Rồi bà cầm lấy tay cậu, xong cậu hất tay bà ra khiến bà ngã xuống, và trong chốc lát, cậu đã biến dạng, vội lên đường.  Vào ngày tháng bảy, nhân vì có mặt Mittavindaka, con tàu cứ đứng bất động trên biển sâu. Người ta rút thăm và cả ba lần đều trúng tay Mittavindaka. Thế là họ cho cậu một chiếc bè và nói:  - Ðừng để nhiều người phải chết chỉ vì một người này.  Rồi họ thả cậu trôi dạt trên đại dương, chỉ thoáng chốc sau, con tàu ấy đã lao nhanh vùn vụt trên biển.  Còn cậu trai trên chiếc bè trôi đến một đảo kia. Tại đó, trong một cung điện bằng thủy tinh, cậu chợt thấy bốn ma nữ. Trước kia, ma chúng thường phải chịu bảy ngày đau khổ và hưởng bảy ngày hạnh phúc. Ðược kết bạn với chúng, cậu thọ hưởng khoái lạc thần tiên. Rồi khi đến thời chúng phải chịu khổ hình, chúng bảo cậu:  - Thưa công tử, chúng em sắp xa chàng bảy ngày, trong lúc chúng em đi vắng, xin chàng ở lại đây và đứng lo buồn gì cả.  Nói xong, chúng giã từ.  Song cậu trai, lòng đầy khát vọng, lại ra khơi trên chiếc bè kia, và vượt đại dương, đến một đảo khác, tại đây trong một cung điện bằng bạc, cậu thấy tám ma nữ khác. Cứ như thế, cậu thấy trên một đảo nữa mười sáu ma nữ trong một cung bằng ngọc, rồi trên một đảo khác nữa, ba mươi hai ma nữ trong một cung bằng vàng. Cũng như trước kia, với các ma nữ này, cậu hưởng thọ lạc thú thần tiên, rồi khi chúng đi xa để chịu cực hình, cậu lại ra khơi lần nữa, lênh đênh trên đại dương, mãi cho đến cuối cùng cậu thấy một kinh thành có bốn cổng lớn và hào lũy bao bọc. Người ta bảo đó là ngục Ussada (Ngục bằng sắt hay Thiết vi Ðịa ngục), nơi mà nhiều chúng sinh bị đọa đầy, phải thọ lãnh các nghiệp báo của mình, song đối với Mittavindaka, nó lại có vẻ như một kinh thành tuyệt mỹ. Cậu suy nghĩ: "Ta muốn vào thăm kinh thành kia và làm vua tại đó.  Thế là cậu bước vào, vừa thấy một sinh linh đang chịu khổ hình phải mang một cái bánh xe sắc như lưỡi dao cạo, song đối với Mittavindaka dường như bánh xe dao trên đầu kẻ kia lại giống như đóa hoa sen nở, năm vòng xiềng xích trên ngực gã nào khác chiếc áo choàng rực rỡ sang trọng, dòng máu nhỏ giọt trên đầu gã như thể phấn bột gỗ chiên-đàn đỏ thắm ngát hương, còn tiếng gã rên la tựa tiếng ca êm dịu nhất trên đời. Vì vậy cậu đến gần và bảo:  - Này người kia, anh đã mang cái hoa sen ấy lâu rồi, nay hãy đưa cho ta.  Người ấy đáp:  - Thưa ngài, nó không phải là hoa sen đâu, mà nó là bánh xe sắc như dao cạo.  Cậu trai bảo:  - À, anh nói vậy vì anh không muốn đưa nó cho ta đấy thôi.  Gã tội nhân khốn khổ kia liền suy nghĩ: "Ắt hẳn các nghiệp quá khứ của ta đã tiêu trừ hết. Rõ ràng người này cũng như ta đi đến đây vì đã đánh mẹ nó. Ðược rồi ta sẽ cho nó đưa bánh xe dao này". Gã liền bảo:  - Này đây, hãy cầm lấy hoa sen.  Cùng với lời nói trên, gã thả bánh xe dao trên đầu cậu, nó rơi xuống đỉnh đầu và nghiến sâu vào đó, lập tức, Mittavindaka biết ngay đó là bánh xe dao, cậu liền nói:  - Lấy bánh xe của anh lại!  Và cậu gào thét dữ dội trong cơn đau đớn, song kẻ kia đã khuất dạng mất rồi.  Vừa lúc ấy, Bồ-tát cùng đoàn tùy tùng đông đảo đang đi kinh lý qua ngục Ussada, và đến tận nơi ấy, Mittavindaka trông thấy ngài, vội kêu lên:  - Tâu thiên chủ, Thượng đế của chư Thiên, bánh xe này đang đâm thủng và xé nát đầu con như thể cái chầy nghiền nát mớ hột cải, vậy con đã phạm tội ác gì?  Cậu vừa hỏi, vừa ngâm hai vần kệ này:  *1. Thành sắt này xây bốn cổng cao, Con nay mắc bẫy bước chân vào, Chung quanh con, lũy hào bao bọc, Con đã gây nên các nghiệp nào.  2. Giờ đây đóng chặt các thành môn Và bánh xe này hủy diệt con Nào khác chim lồng, con bị bắt. Tại vì sao vậy, tấu Thiên vương?*  Lúc ấy Thiên chủ ngâm các vần kệ này để giải thích vấn đề cho cậu rõ:  *3. Ngài có ngày xưa chục vạn đồng, Hai mươi lần nữa đấy, tôn ông, Tuy nhiên ngài vẫn không hề muốn Tai lắng nghe bằng hữu nói năng.  4. Ngài đã vội vàng vượt đại dương Chất đầy nguy hiểm dọc đường trường, Nữ ma, bốn tám, ngài thăm viếng, Mười sáu nàng, theo kế tám nàng.  5. Tiếp theo mười sáu, đến ba hai Tận hưởng dục tham cứ miệt mài, Nay hãy nhìn đây đầy phần tặng thưởng Bánh xe dục lạc ở đầu ngài.  6. Ai đi đại lộ dục tham đầy, Con lộ thênh thang rộng lớn thay, Vô độ, chúng không hề thỏa mãn Thì phần chúng đội bánh xe này.  7. Ai chẳng mong phân phát bạc vàng, Chẳng cầu tìm Chánh đạo bình an Cũng không biết phải làm như vậy, Phần bánh xe này chúng sẽ mang.  8. Hãy suy kết quả việc ngài làm Gia sản ngài xem thật ngập tràn, Ðừng ước làm tài chủ bất chính, Thực hành điều bạn tốt khuyên răn, Về sau chẳng có bao giờ nữa Vòng bánh xe này đụng đến thân.*  Nghe vậy, Mittavindaka tự nhủ: "Vị Thiên chủ này vừa giải thích thật chính xác những việc ta làm. Chắc chắn ngài cũng biết được mức độ trừng phạt ta". Rồi cậu ngâm vần kệ thứ chín:  *9. Vậy tấu Thiên vương, đến lúc nào Bánh xe này dính ở trên đầu? Mấy ngàn năm nữa? XIn ngài dạy, Ðừng để con hoài sức khẩn cầu.*  Lúc ấy bậc Ðại sĩ tuyên bố vấn đề qua vần kệ thứ mười:  *10. Bánh xe này tiếp tục xoay vần, Mà chẳng hiện ra vị cứu nhân Nó dính đầu ngài cho đến chết, Này Mít-ta hỡi có nghe chăng?*  Nói vậy xong Thiên chủ trở về cõi của Ngài, còn kẻ kia chìm vào cơn đau đớn cùng cực.  \*  *Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Ðạo sư nhận diện Tiền thân:*  *- Vào thời ấy, Tỷ-kheo phóng dật này là Mittavindaka, và Ta chính là Thiên chủ.*  -ooOoo-  **440. Chuyện Hắc Hiền Giả (Tiền thân Kanha)**  ***Ðằng kia nhìn kẻ sắc đen tuyền..,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể tại Kapilavathu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Bồ-đề Lâm (Rừng cây Ða), về một nụ cười.*  *Vào thời ấy, chuyện kể rằng bậc Ðạo Sư đang du hành cùng Tăng chúng trong Bồ-đề Lâm, lúc chiều xuống, tại một chốn kia, Ngài mỉm một nụ cười. Trưởng lão Ànanda nói:*  *- Nguyên do gì, lý do gì khiến đức Thế Tôn mỉm cười? Ðức Như lai mỉm cười không phải là không có duyên cớ. Vậy ta muốn hỏi Ngài.*  *Thế là Tôn giả cúi đầu đảnh lễ cung kính hỏi về nụ cười kia, bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Ngày xưa, này Ànanda, có một bậc Hiền trí tên là Kanha đã sống ở nơi đây, chuyên tâm thiền tịnh, và lạc thú trong thiền định, nên nhờ uy lực công đức của ngài mà cung của Sakka (Ðế Thích), Thiên phủ phải rúng động.*  *Song vì câu giải thích nụ cười kia chưa được rõ ràng lắm, nên theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, đức Phật kể một chuyện quá khứ.*  \*  Một thuở nọ, khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, có một vị Bà-la-môn không con cái, nhưng của cải lên đến tám mười triệu đồng, vị này phát nguyện giữ giới đức và cầu tự. Trong lòng bà vợ vị Bà-la-môn này đang mang thai Bồ-tát, sau đó do màu da đen của ngài, vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ chọn tên ngài là Kanha - Kumàra tức Hắc nam tử  Ðến năm mười sáu tuổi, đầy vẻ uy nghi như một bức tượng bằng ngọc quý, ngài được phụ thân đưa đến học ở Takkasilà, nơi đây ngài được dạy đầy đủ các môn văn học nghệ thuật, xong trở về nhà. Sau đó cha ngài lại cưới cho ngài một cô vợ xứng đôi vừa lứa. Dần dần theo thời gian, ngài hưởng trọn gia sản của song thân.  Bấy giờ một ngày kia, sau khi kiểm tra các kho báu, đang lúc ngồi trên một bảo tọa lộng lẫy, ngài cầm trong tay một cái đĩa bằng vàng, đọc được trên đĩa những hàng chữ do các bậc tiền nhân ngài ghi lại: "Rất nhiều tài sản do vị này kiếm được, rất nhiều tiền bạc do vị kia làm ra v.v..." Ngài nghĩ thầm: "Những vị tạo ra vàng bạc này bây giờ không còn nữa, song vàng bạc vẫn còn đó; không ai có thể mang chúng theo khi ra đi khỏi cuộc sống; ta không thể buộc vàng bạc thành một bó, rồi mang theo mình qua thế giới khác.  Thấy rằng của cải liên hệ đến Năm Ác dục, còn phân phát bố thí của cải này là việc tốt đẹp hơn; thấy rằng thân xác phù du này liên hệ với nhiều bệnh tật, còn tỏ lòng cung kính và nhân từ với những vị đức hạnh đem nhiều lợi lạc hơn; thấy rằng cuộc đời tạm bợ phù phiếm này chỉ thoáng qua chốc lát, còn tinh tấn hành trì thiền định là phần cao cả hơn. Vậy thì những vàng bạc phù phiếm này ta sẽ đem bố thí hết, vì làm như thế ta sẽ thọ hưởng phước đức hơn nhiều."  Thế là ngài từ chỗ ngồi đứng dậy, sau khi xin đức vua thỏa thuận, ngài bố thí rất hào phóng.  Ðến ngày thứ bảy, thấy vàng bạc vẫn không suy giảm, ngài suy nghĩ: "Vàng bạc này có nghĩa gì đối với ta? Trong khi ta chưa bị tuổi già chế ngự, ta muốn ngay bây giờ phát nguyện xuất gia tu hành; ta quyết tu tập các Thắng trí và các Thiền chứng, ta quyết tái sinh lên cõi Phạm Thiên". Thế là ngài ra lệnh mở các cửa lớn trong nhà ra, rồi bảo gia nhân lấy của cải đem, bố thí rộng rãi, vứt bỏ nó như một vật bất tịnh, ngài đoạn trừ các tham dục của nhãn quan, và những tiếng khóc than cùng nước mắt đông đảo của họ hàng quyến thuộc, ngài ra đi từ kinh thành, đến tận vùng Tuyết sơn.  Tại đó ngài sống theo lối độc cư, và khi đi tìm một chốn an lạc để trú thân, ngài thấy nơi này, rồi quyết định ở lại; chọn cây bầu làm nơi ăn chốn ở, ngài sống tại đó, ngủ ngay dưới gốc cây bầu ấy. Không bao giờ cư trú trong làng, ngài trở thành một người sống trong rừng, không bao giờ ngài dựng chòi lá, mà chỉ ở dưới gốc cây này, ở ngoài trời, thường an tọa, hoặc nếu ngài muốn nằm thì chỉ nằm trên mặt đất.  Ngài không dùng cái chày, mà chỉ dùng hàm răng nghiền nát thức ăn, ngài chỉ ăn những thức ăn không nấu bằng củi lửa, không bao giờ một thứ hạt còn vỏ lọt vào miệng ngài, ngài chỉ ăn ngày một lần và chỉ ngồi ăn một lần. Trên mặt đất, dường như ngài đã hòa cùng với tứ đại làm một, ngài sống hành trì giới đức của bậc xuất gia khổ hạnh. Trong Tiền thân ấy, như ta được biết, Bồ-tát rất thiểu dục.  Vì vậy chẳng bao lâu, ngài đạt các Thắng trí và các Thiền chứng (năm thần thông: Abhinnà; và tám cấp thiền: Jhànà) và ngài sống nơi ấy trong hỷ lạc của thiền định. Về trái cây rừng, ngài không đi đâu xa, khi trái cây mọc trên cây, ngài ăn trái; vào mùa hoa nở, ngài ăn hoa; khi lá mọc, ngài ăn lá; khi không còn lá nào ngài ăn vỏ cây. Vào buổi sáng ngài thường hái quả cây ấy, không bao giờ vì tham lam mà ngài đứng dậy đi hái quả cây nào khác. Ở nơi ngài ngồi, ngài dang tay ra lượm các trái cây trong tầm tay, ngài ăn các thứ trái cây đến tay ngài, không phân biệt ngon dở .  Trong khi ngài tiếp tục tìm lạc thú như vậy, nhờ thần lực công đức của ngài, chiếc ngai hoàng thạch của Sakka (Ðế Thích) Thiên chủ nóng rực lên (tương truyền chiếc ngai vàng này nóng lên khi Ðế Thích Thiên chủ sắp mạng chung, hoặc lúc phước đức của ngài đã tận diệt và kết thúc, hay khi có một vị Ðại sĩ cầu nguyện, hay do công năng đức độ của các Sa-môn, Bà-la-môn đầy uy lực.)  Lúc ấy Ðế Thích Thiên chủ suy nghĩ: "Kẻ nào muốn làm ta phải rời khỏi ngai đây?" vừa nhìn quanh, ngài thấy trong rừng sâu, ở một nơi kia bậc Hiền nhân Kanha đang sống nhờ nhặt trái rừng, ngài biết rằng đó là một trí nhân hành trì khổ hạnh cao độ, tất cả các căn đều được điều phục, ngài suy nghĩ: "Ta muốn đi đến gặp vị ấy. Ta muốn bảo người thuyết Pháp thật cao giọng, và sau khi nghe lời giảng Pháp đem lại an lạc này, ta sẽ làm người hoan hỷ một điều ước, và sẽ làm cho cây của người sinh quả không ngừng, rồi ta mới trở về đây. "  Sau đó nhờ thần thông lực, Thiên chủ vụt xuống trần, đứng ngay sau lưng bậc Hiền nhân, ngài ngâm vần kệ đầu tiên để thử xem bậc Hiền trí kia có bực tức khi nghe nhắc đến vẻ xấu xí của mình chăng:  *1. Ðằng kia, ngắm kẻ sắc đen tuyền, Sống ở nơi này cũng đất đen, Miếng thịt đang ăn đen xám xịt, Tâm ta chẳng thích đáng người hiền*  Hiền nhân Kanha nghe ngài nói vậy:  - Ai nói với ta đấy?  Và nhờ thần thông lực, ngài nhận ra đó là Ðế Thích Thiên chủ, nên vẫn không cần quay đầu lại, ngài đáp vần kệ thứ hai:  *2. Dù toàn sắc đen, hỡi Ngọc hoàng, Tâm ta chân chính Bà-la-môn, Màu da chẳng lỗi, nhưng làm ác Khiến kẻ phàm nhân đen tối luôn.*  Và rồi sau đó, khi đã giải thích nhiều loại lỗi lầm và chê trách những lỗi lầm đã biến con người thành những kẻ đen tối, cùng ca ngợi công đức, ngài thuyết giáo cho Ðế Thích Thiên chủ, chẳng khác nào ngài làm mặt trăng mọc lên giữa bầu trời.  Ðế Thích Thiên chủ nghe bài thuyết Pháp, lòng vô cùng hoan hỷ, liền ban tặng bậc Ðại Sĩ một điều ước và ngâm vần kệ thứ ba:  *3. Nói năng khôn khéo, bậc La-môn, Diễn đạt cao siêu, tối thắng luôn Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện, Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.*  Nghe vậy bậc Ðại Sĩ nghĩ thầm: "Ta biết thế nào rồi. Vị này muốn thử ta, xem ta có giận dữ khi nói đến vẻ xấu xí của ta không; nên ngài chê bai màu da của ta, thức ăn chốn ở của ta. Khi thấy rằng ta không giận, thì ngài vui vẻ, ban cho ta một điều ước, chắc chắn ngài tưởng ta hành trì cuộc sống này vì ước mong có thần lực của Sakka Thiên chủ hay Phạm Thiên, vậy nay để làm ngài tin tưởng, ta sẽ chọn bốn điều ước: ta ước được an tịnh, không sân hận đối với kẻ xung quanh ta, không tham cảnh vinh quang của các vị xung quanh ta, hay thèm muốn dục tình đối với các vị xung quanh ta".  Suy nghĩ như vậy xong, để giải quyết mối nghi hoặc của Thiên chủ, bậc Hiền trí ngâm vần kệ thứ tư đòi bốn điều ước này:  *4. Thiên chủ Sak-ka của thế gian Chọn điều hạnh phúc, lệnh ngài ban, Ta mong thoát khỏi lòng sân hận, Ác độc, tiêu trừ mọi dục tham, Tất cả bốn điều này hạnh phúc, Ta thường mơ ước tận tâm can.*  Lúc ấy, Ðế Thích Thiên chủ suy nghĩ: "Hiền giả Kanha, khi chọn điều ước đã chọn bốn điềm an lạc không lỗi lầm. Bây giờ ta phải hỏi ngài về thiện ác liên hệ bốn điều này". Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ năm:  *5. Ở trong ác dục với tham sân, Này hãy nói đi, hỡi Ðạo nhân, Ngài thấy điều gì là bất thiện, Trả lời ta nhé, hãy làm ơn.*  - Vậy hãy nghe đây:  Bậc Ðại sĩ đáp lại và cảm khái ngâm bốn vần kệ này:  *6. Ác ý được nuôi bởi hận sân, Phát sinh từ nhỏ lớn lên dần, Nên lòng tràn ngập niềm đau xót, Vì thế ta không muốn giận hờn.  7. Cứ vậy thông thường với ác nhân, Trước tiên lời nói, chạm vào thân, Kế đến đấm đá, rồi cây gậy, Sau hết lòe ra mũi kiếm trần, Khi có ác tâm, thường phẫn nộ, Nên lòng ta chẳng muốn hờn căm.  8. Khi người, thúc dục bởi gian tham, Lừa đảo tăng dần với dối gian, Vội đuổi theo tiền tài cướp bóc, Vậy nên ta chẳng muốn tâm tham.  9. Trói chặt xiềng gông bởi dục tình, Vẫn thường phát triển nảy sinh nhanh Trong tim, làm xót xa đau nhức, Ái dục, ta không muốn phận mình.*  Khi các câu hỏi đã được giải thích xong, Ðế Thích Thiên chủ bảo:  - Thưa Trí giả Kanha, nhờ ngài, các câu hỏi của ta đã được giải đáp êm đẹp với trí tuệ của một bậc Giác Ngộ, ta rất hoan hỷ vì ngài; bây giờ xin ngài chọn một điều ước khác nữa.  Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ thứ mười:  *10. Nói năng chân chính, bậc La-môn, Diễn đạt cao siêu, tối thắng ngôn, Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện, Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.*  Lập tức Bồ-tát ngâm kệ:  *11. Sak-ka, Thiên chủ của trần gian, Ngài bảo cho ta một đặc ân, Mong chốn núi rừng ta ẩn náu, Nơi nào ta trú ngụ đơn thân, Bệnh không làm hại niềm an tịnh, Hoặc phá niềm thiền lạc vỡ tan.*  Nghe vậy, Ðế Thích Thiên chủ suy nghĩ: "Khi chọn điều ước, Hiền giả Kanha không chọn điều gì liên hệ đến thức ăn, mà những gì ngài chọn đều liên quan đến đời sống tu hành." Tâm càng hoan hỷ hơn, Thiên chủ lại cho thêm một điều ước khác và ngâm kệ:  *12. Nói năng thật khéo, bậc La-môn, Diễn đạt cao siêu, tối thắng ngôn, Hãy chọn điều gì ngài ước nguyện, Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.*  Và Bồ-tát, khi nói lên điều ước của ngài, đã thuyết Pháp trong vần kệ cuối:  *13. Sak-ka, Thiên chủ của trần gian, Ngài bảo cho ta một đặc ân, Xin chẳng sinh linh nào bị hại, Vì ta, dù khẩu, ý hay thân. Nơi nào cũng vậy, này Thiên chủ, Lời nguyện này ta vẫn ước mong.*  Như vậy trong sáu trường hợp, bậc Ðại sĩ lựa điều ước, ngài đều chỉ chọn những gì liên quan đến đời sống viễn ly. Ngài hiểu rõ thân người phải có bệnh và Ðế Thích chủ không thể trừ diệt căn bệnh của thân nghiệp; Ðế Thích Thiên chủ cũng không thể rửa sạch cho nhân thế trong ba cửa Thân, Khẩu, Ý. Mặc dù vậy, ngài vẫn chọn điều ước ấy với mục đích thuyết Pháp cho vị Thiên chủ.  Sau đó Ðế Thích Thiên chủ làm cho cây ấy sinh quả quanh năm, vừa chắp tay lên trán đảnh lễ ngài vừa bảo:  - Xin Hiền giả an trú ở đây không bệnh tật.  Rồi ngài đi về cõi của ngài. Còn Bồ-tát không bao giờ gián đoạn thiền định, nên về sau được sinh lên Phạm thiên giới.  \*  *Sau khi chấp dứt Pháp thoại này, bậc Ðại Sư bảo:*  *- Này Ànanda, đây là nơi Ta đã an trú ngày xưa.*  *Rồi Ngài nhận diện tiền thân:*  *- Vào thời ấy Anuruddha (A-na-luật-đà) là Sakka (Ðế Thích) Thiên chủ và Hiền giả Kanha chính là Ta.*  -ooOoo-  **441. Bốn Vị Giữ Trai Giới (Tiền thân Catu-Posathika)**  *(Chuyện tiền thân này sẽ được kể trong Tiền thân Punnaka) (chưa được tìm thấy)*  -ooOoo-  **442. Chuyện Bà La Môn Sankha (Tiền thân Sankha)**  ***La-môn Tôn-giả, bậc uyên thâm ...,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể ở Kỳ Viên về tứ sự cúng dường.*  *Chuyện kể rằng ở thành Xá-vệ, có một nam cư sĩ, sau khi nghe đức Như Lai thuyết Pháp, tâm rất hoan hỷ nên đã mời chư tăng vào ngày hôm sau. Tại cửa nhà, ông dựng lên một cái rạp trang hoàng lộng lẫy, rồi đi thưa trình rằng đã đến giờ. Bậc Ðạo Sư đến nơi với năm trăm vị Tỷ-kheo theo hầu, và ngồi trên bảo tọa lộng lẫy dành cho ngài. Vị cư sĩ, sau khi đã dâng cúng các lễ vật sang trọng lên hội chúng Tỷ-kheo với đức Phật là thượng thủ, lại mời tăng chúng ngày mai; và cứ thế, trong bảy ngày liền, vị này mời Tăng chúng đến cúng dường, và vào ngày thứ bảy lại cúng dường những vật dụng cần thiết. Trong buổi cúng dường này, ông tặng các đôi hài làm lễ vật đặc biệt. Ðôi hài dâng lên đức Phật trị giá một ngàn đồng vàng. Hai đôi hài cúng hai vị Ðại đệ tử (Xá-lợi phất và Mục -kiền-liên) trị giá năm trăm, còn những đôi trị giá hơn một trăm đồng dành cho các vị Tỷ-kheo khác.*  *Sau khi dâng cúng lễ vật đủ các thứ cần thiết cho chư Tăng, ông ngồi xuống trước đức Thế Tôn cùng với hội chúng của Ngài. Sau đó bậc Ðạo Sư đáp lời tùy hỷ công đức bằng một giọng vô cùng êm dịu:*  *- Này gia chủ, thí vật của ông thật hào phóng biết bao, ông hãy hoan hỷ. Ngày xưa, trước khi đức Phật ra đời, đã có những người nhờ cúng dường một đôi hài lên một vị Ðộc Giác Phật mà kết quả việc bố thí đó là tìm được chỗ an trú trên biển cả không có nơi an trú; và nay ông vừa cúng dường cho toàn thể hội chúng của đức Phật mọi vật dụng cần thiết cho mỗi Tỷ-kheo, thì công đức biết bao, nếu không phải là lễ dâng hài này sẽ làm nơi an trú cho ông về sau?*  *Và theo lời thỉnh cầu của ông. Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Ngày xưa, thành Ba-la-nại có tên là Molinì. Trong khi vua Brahamadatta trị vì ở Molinì, một người Bà-la-môn tên là Sankha giàu có lớn, đã xây bố thí trường ở sáu chỗ, một ở mỗi cổng thành, một ở giữa thành và một ở cửa nhà ông. Hằng ngày ông bố thí sáu trăm ngàn đồng tiền và cho các kẻ lữ hành cùng kẻ ăn xin rất rộng rãi.  Một ngày kia ông suy nghĩ: "Một khi kho của cải hết, ta không còn gì để bố thí nữa. Vậy trong lúc kho chưa cạn, ta muốn lấy con tàu đi đến xứ Vàng và sẽ mang của cải về". Thế là ông bảo đóng tàu, chất đầy hàng hóa và khi từ biệt vợ con, ông bảo:  - Bà và con hãy lo bố thí không ngừng cho đến khi ta trở về.  Nói xong, ông cầm lấy dù, mang giày cùng gia nhân hướng mặt về hải cảng, rồi đúng ngọ ông khởi hành.  Vào lúc ấy một vị Ðộc Giác Phật trên đỉnh núi Gandhamàdana (Hương Sơn), đang nhập định, thấy vị kia lên đường tìm kiếm vàng liền suy nghĩ: "Một bậc Ðại sĩ đang vượt biển để tìm vàng. Có gặp gì trên biển cả gây trở ngại cho vị này chăng? Rồi sẽ có. Nếu ông thấy ta, sẽ dâng ta đôi giày và chiếc dù. và kết quả việc đi cúng dường này là ông sẽ tìm được nơi an trú khi tàu đắm trên biển. ta muốn giúp đỡ ông."  Vì thế bay qua không gian, Ngài hạ xuống, không xa chỗ kẻ lữ hành kia, rồi tiến đến gặp ông, dẫm chân trên cát nóng, nóng như thể một đống tro đang cháy bỏng trong luồng gió dữ dội và ánh mặt trời gay gắt. Vị Bà-la-môn nghĩ thầm: "Ðây là cơ hội để tạo công đức, ta phải gieo một hạt giống ngày hôm nay tại chốn này". Lòng vô cùng hoan hỷ, ông vội vã đi đến đảnh lễ Ngài:  - Thưa Tôn-giả, - ông nói - xin Tôn giả vui lòng ra khỏi con đường này trong chốc lát, đến dưới gốc cây kia.  Sau đó, khi đến chỗ ngồi gốc cây, ông lau phủi hết cát cho Ngài, rồi trải thương y ra mời Ngài ngồi xuống, với nước sạch thơm ngát, ông rửa chân Ngài, xoa dầu thơm ngào ngạt, và từ chân của chính mình, ông rút ra đôi hài lau sạch, xoa dầu thơm xong, mang vào cho Ngài, cúng dường Ngài đôi hài cùng với chiếc dù, xin Ngài mang hài và che dù trên đầu Ngài khi ngài lên đường. Vị Ðộc Giác Phật muốn làm ông vui lòng nên nhận lễ vật, và trong khi vị Bà-la-môn chiêm ngưỡng Ngài để tăng trưởng tín tâm, Ngài bay lên về lại núi Gandhmàdana.  Còn Bồ-tát với tâm đầy hoan hỷ, tiến ra hải cảng và lên thuyền.  Khi ra đến đại dương vào ngày thứ bảy, con thuyền nứt ra và họ không thể tát hết nước được. Tất cả mọi người lo sợ cho mạng sống mình, đồng thanh kêu gào, mỗi người kêu cầu một vị thần linh riêng của mình. Bậc Ðại Sĩ, chọn một người hầu, xoa dầu khắp mình mẩy, ăn một đống đường mịn hòa với bơ tươi cho thỏa thích, cho kẻ kia cùng ăn, rồi ngài leo lên cột buồm. Ngài bảo:  - Về hướng kia là kinh thành của ta.  Vừa chỉ tay về hướng ấy, vừa gạt bỏ nỗi sợ hãi về các loài rùa, cá, ngài lặn mất cùng với gã gia nhân một khoảng xa chừng một trăm năm mươi cubit (1 cubit = 45cm). Ðám người kia chết đuối cả, còn bậc Ðại Sĩ cùng gã gia nhân bắt đầu tiến lên trên biển cả. Trong bảy ngày liền, ngài tiếp tục bơi. Ngay cả giờ phút ấy, ngài vẫn giữ trọn ngày trai giới, súc miệng với nước mặn.  Lúc bấy giờ một nữ thần tên là Mani-Mekkhalà, nghĩa là Ngọc Ðới, đã được lệnh của Tứ Thiên vương: "Nếu gặp tàu chìm, và tai họa xảy đến cho người đã quy y Tam Bảo, hoặc đầy đủ giới đức, hoặc phụng thờ cha mẹ, thì nàng phải lo cứu độ". Và để bảo vệ cho các người như vậy, nữ thần an trụ trên mặt biển. Nhờ thần lực của bà, bà không cần canh phòng trong suốt bảy ngày ấy, song đến ngày thứ bảy, nhìn lướt trên mặt biển, bà thấy vị Bà-la-môn Sankha đức độ kia, nên suy nghĩ: "Kẻ đằng kia đã bị rớt xuống biển, đến nay là ngày thứ bảy rồi, nếu ông chết đi thì ta mắc phải tội nặng lắm."  Vì thế sinh lòng lo lắng, bà vội đổ vào chiếc đĩa bằng vàng đầy đủ mọi thức ăn thiên giới, phi nhanh như gió đến phía ngài, rồi dừng lại trước mặt ngài trên không và bảo:  - Này Bà-la-môn, ngài không ăn gì đã bảy ngày rồi, vậy ăn thức này đi.  Vị Bà-la-môn nhìn bà đáp:  - Cất thức ăn của nàng đi, ta đang giữ giới kiêng ăn.  Kẻ gia nhân của ngài không thấy nữ thần, mà chỉ nghe âm thanh nên nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này nói lảm nhảm, ta chắc vì cơ thể ngài yếu đuối lại nhịn đói đã bảy ngày nên đang đau đớn và sợ chết, ta muốn an ủi ngài." Và gã liền ngâm vần kệ đầu:  *1. La-môn Tôn giả, bậc uyên thâm, Tôn giả vốn đầy đủ thánh tâm, Ðồ đệ Thánh sư, sao lại phải Hoài tâm vô cớ nói lầm bầm, Trong khi chẳng có ai đây cả Ðối đáp ngoài tôi, lúc luận đàm?*  Vị Ba-la-môn nghe gã, biết rằng gã không thấy vị thần kia, nên bảo:  - Này hiền hữu, không phải ta sợ chết đâu, song đang có một vị khác ở đây để đàm đạo với ta đó.  Rồi Ngài ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Xuất hiện Thiên thần rực ánh quang, Tặng ta tiên phạn để ta ăn, Cao sang trên đĩa vàng bày sẵn Ta đáp nàng "không" dạ lạc hoan.*  Sau đó gã ngâm vần kệ thứ ba:  *3. Nếu như người thấy một Thiên thần, Người hãy yêu cầu một đặc ân Xin đứng chấp tay van vị ấy, Cho hay Thiên nữ hoặc phàm nhân?*  - Bạn nói phải lắm - vị Bà-la-môn bảo.  Rồi ngài hỏi bằng cách ngâm vần kệ thứ tư:  *4. Nương tử nhìn ta vẻ thiết thân, Bảo ta: "Cần lấy thức này ăn",  Hỏi nàng cao cả đầy uy lực, Là nữ nhi hay một nữ thần?*  Vị nữ thần lấp tức ngâm hai vần kệ:  *5. Ta, nữ thần uy lực đại cường, Nơi này vội đến giữa trùng dương, Tràn đầy từ mẫn, tâm hoan hỷ, Vì cứu ngài trong bước cuối đường.  6. Nhìn đây thực phẩm, chốn an lành, Nhiều loại cỗ xe, đủ dáng hình, Cho ngài làm chủ quyền tất cả, Những gì ao ước tự tìm mình.*  Khi vừa nghe vậy, bậc Ðại sĩ suy nghĩ đắn đo: "Ðây là nữ thần giữa đại dương - ngài tự nhủ - bà tặng ta vật này vật nọ. Cớ gì bà lại muốn đem tặng chúng cho ta? Có phải vì một công đức nào đó của ta hay do quyền lực riêng của bà mà bà làm như thế? Ðược, ta sẽ hỏi." Và ngài chất vấn điều này qua vần kệ thứ bảy:  *7. Thưa, vậy tiên nương chính nữ hoàng, Nắm quyền bao lễ vật nàng ban, Mỹ nương yểu điệu, mày thanh tú, Nghiệp quả nào ta tạo đấy chăng?*  Vị nữ thần nghe ngài hỏi, nghĩ thầm: "Vị Bà-la-môn này đã hỏi thế, chắc vì ngài tưởng ta không biết ngài đã làm việc lành nào. Ta muốn nói ngay cho ngài rõ". Vì vậy bà đáp ngài qua vần kệ thứ tám:  *8. Trên đường nóng bỏng kẻ đơn thân, Khát nước, mệt nhừ, lại nhức chân, Ngài đã dừng, mang tài vật cúng, Ngày nay lễ ấy được hồng ân.*  Lúc bậc Ðại Sĩ nghe thế, ngài nghĩ thầm: "Ô kìa giữa đại dương khó vượt qua này, việc cúng dường đôi hài trở thành một đại phước báo cho ta. Ôi việc dâng lễ vật lên một vị Ðộc Giác Phật thật tốt lành thay!" Rồi trong niềm đại hân hoan, ngài ngâm kệ thứ chín:  *9. Xin chiếc thuyền bằng ván khéo xây, Thuận buồm xuôi gió, chạy như bay, Mà không thấm nước trên đường biển Không thể dùng xe cộ chốn đây, Xin chở ta về Mo-lí gấp, Làm sao vừa kịp đúng hôm nay.*  Nữ thần rất đẹp ý khi nghe những lời này, liền làm phép cho chiếc thuyền hiện ra, được làm bằng bảy báu vật, chiều dài tám trăm cubit (1 cubit = 45cm), chiều rộng sáu trăm cubit, chiều sâu hai mươi sải (sải= 1,82m). Có ba cột buồm bằng ngọc bích, dây buộc bằng vàng, cánh buồm bằng bạc, các mái chèo và bánh lái đều bằng vàng ròng cả. Trong thuyền, vị nữ thần chất đầy bảy báu vật, rồi ôm lấy vị Bà-la-môn đưa lên chiếc thuyền huy hoàng kia. Bà không chú ý đến gã hầu cận, song vị Bà-la-môn vẫn chia phần cho gã hưởng phước lành. Gã sung sướng quá và nữ thần kia cũng ôm gã đặt lên thuyền nữa. Liền đó bà đưa thuyền đến kinh thành Molinì và sau khi đã chất đầy châu báu vào kho nhà vị Bà-la-môn, bà trở về nơi an trú mình.  \*  Bậc Ðạo Sư với Trí tuệ Tối thắng, đã ngâm vần kệ cuối cùng:  *10. Thần nữ hân hoan, hạnh phúc tràn, Làm cho xuất hiện, chiếc thuyền thần, Ðem San-kha với người hầu cận Về đến kinh đô đẹp tuyệt trần.*  Còn vị Ba-la-môn suốt đời ở nhà bố thí thật rộng rãi không ngừng và giữ giới hạnh, nên khi mạng chung ngài cùng các gia nhân đi lên cộng trú với chư Thiên.  \*  *Khi bậc Ðạo Sư chấm dứt Pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào lúc kết thúc các Sự Thật, vị cư sĩ ấy chứng đắc Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*  *- Vào thời ấy Uppalavannà (Liên Hoa sắc) là nữ thần, Ànanda là người hầu, và Bà-la-môn Sankha chính là Ta.*  -ooOoo-  **443. Chuyện Trí Giả Tiểu Bồ Ðề (Tiền thân Culla-Bodhi)**  ***Ví thử người ta bắt quý nương...,***  *Chuyện này do bậc Ðạo Sư kể tại Kỳ Viên về một người tính hay nóng giận.*  *Người này, sau khi đã xuất gia, tu tập, hành trì Giáo pháp đưa đến giải thoát, an lạc trọn vẹn, lại không thể chế ngự cơn giận của mình. Ông lòng đầy bực tức, hiềm hận; song lại ít nói nên khi phẫn nộ, bị lôi cuốn vào cơn nóng giận, ông trở nên gay gắt chua cay và khó dạy bảo. Khi nghe nói đến tính hay nóng giận của ông, bậc Ðạo Sư cho gọi ông vào và hỏi có thật là ông hay nổi giận như lời đồn chăng. Vị này đáp:*  *- Thưa vâng, bạch Thế Tôn,*  *Bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Này Tỷ-kheo, tính nóng giận phải được chế ngự, vì một kẻ hành ác hạnh như vậy không thể nào có nơi an trú được dù trong đời này hoặc đời sau. Tại sao sau khi tu tập pháp môn giải thoát của đức Phật tối thượng không có lòng sân giận, cớ gì ông lại tự mình tỏ ra hay phẫn nộ? Các bậc trí nhân ngày xưa, ngay cả những vị hành trì giáo pháp khác với chúng ta cũng đã kềm chế được lòng phẫn nộ.*  *Rồi Ngài kể một chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa khi vua Brahmadatta lên ngôi ở Ba-la-nại, trong một thị trấn ở xứ Kàsi có một vị Bà-la-môn rất giàu vàng bạc, gia sản đồ sộ song lại không có con, nên bà vợ cầu mong con trai. Vào thời ấy Bồ-tát từ cõi Phạm thiên đi xuống trần, nhập mẫu thai của bà, rồi vào ngày lễ đặt tên, cha mẹ chọn cho ngài cái tên Bodhi-Kumàra hay là Nam tử Trí Tuệ. Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngài đi đến Takkasilà, nghiên cứu đủ các môn học thuật, và sau khi về nhà, dù ngài không muốn, cha mẹ ngài vẫn đi cưới một thiếu nữ về làm vợ ngài, từ một gia đình cùng chung giai cấp với ngài. Nàng ấy cũng xuống cõi trần từ Phạm thiên giới, có nhan sắc tuyệt thế, chẳng khác nào một vị tiên nữ. Cả hai vị trở thành vợ chồng, song cả hai chẳng ai mong muốn chuyện đó cả. Chẳng bao giờ có ai phạm vào dâm dục, cũng chẳng kẻ nào liếc mắt nhìn kẻ kia một cách say đắm, ngay cả trong giấc ngủ, hai vị cũng không hề bao giờ có hành động tương tự, cả hai vị đều sống thanh tịnh như thế.  Sau một thời gian, khi song thân đều mất cả, ngài lo việc tang lễ cho thi hài cha mẹ chu đáo. Bậc Ðại Sĩ gọi vợ đến, bảo nàng:  - Này quý nương, nàng hãy giữ lấy gia sản tám trăm triệu đồng này và sống đời hạnh phúc.  - Không phải vậy đâu, mà đó là phần của phu quân.  Ngài bảo:  - Ta không cần vàng bạc, ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn, trở thành một ẩn sĩ và tìm nơi cư trú ở đó.  - Vậy thưa phu quân tôn quý, chỉ nam giới mới được xuất gia tu hành thôi chăng?  Ngài đáp:  - Không phải vậy, nữ giới cũng được.  - Vậy thì thiếp, cũng không muốn nhận lấy thứ chàng đã phun khỏi miệng, vì thiếp cũng không ham thích vàng bạc gì hơn chàng, thiếp cũng muốn thành ẩn sĩ như chàng.  - Này quý nương, tốt lành thay!  Rồi hai vị đem phân phát bố thí phần lớn tài sản và xuất gia. Ðến một vùng đất an lạc dựng am thất ẩn sĩ, các ngài sống bằng trái cây rừng mà các ngài kiếm được, và cứ sống như vậy mười năm tròn, song vẫn chưa chứng đắc Thiền định của bậc Thánh.  Thế là sau một thời gian sống tại đó, hưởng hạnh phúc của cuộc đời ẩn dật suốt mười năm liền, các ngài ra đi ngang qua vùng quê để tìm muối và đồ gia vị, và thuận đường đến Ba-la-nại liền vào trú chân trong vườn ngự uyển.  Bấy giờ, một ngày kia vua thấy người giữ ngự viên đến dâng một món quà trong tay, ngài phán:  - Trẫm muốn liên hoan trong ngự viên, vậy hãy sắp xếp cho chỉnh tề.  Và khi hoa viên đã được dọn dẹp sạch sẽ sẵn sàng, vua ngự vào đó cùng đám cận thần hộ tống đông đảo.  Lúc đó cả hai vị ở trên một chỗ trong ngự viên, an hưởng lạc thú của cuộc sống tu hành. Còn vua khi đi ngang qua ngự viên, thấy hai vị ngồi đó; và khi mắt ngài chợt bắt gặp vị nữ nhân diễm lệ khả ái kia, ngài say mê ngay. Lòng ngài rúng động vì khát vọng dục tình, ngài quyết định hỏi nàng có liên hệ gì đối với ẩn sĩ kia; nên khi đi đến gần Bồ-tát, vua hỏi ngay câu ấy. Bồ-tát đáp:  - Tâu đại vương, nay nàng ấy chẳng có liên hệ gì đối với ta cả; nàng chỉ cùng chung đời sống tu hành với ta thôi, song trước kia ta còn sống ở chốn trần tục, thì nàng ấy đã là vợ ta.  Nghe vậy, vua thầm nghĩ: "Như vậy, vị này bảo nữ nhân kia chẳng là gì đối với ông cả, song khi còn sống đời thế tục, nàng ấy đã là vợ ông. Ðược rồi, nếu ta dùng vương quyền bắt lấy nàng thì ông làm gì được? Cho nên ta muốn chiếm nàng". Và vua vừa đến gần vừa ngâm vần kệ:  *1. Ví thử người ta bắt quý nương, Mắt tròn, và cướp khỏi Tôn ông, Người yêu ngồi đó đang cười nụ, Ngài sẽ làm gì, hỡi Ðạo nhân?*  Bậc Ðại Sĩ ngâm vần kệ thứ hai để đáp câu hỏi này:  *2. Khi đã khởi lên, nó chẳng rời Chẳng bao giờ nữa, suốt đời tôi, Như cơn mưa lắng dần tro bụi, Dập tắt nó thời mới nhú thôi.*  Bậc Ðại Sĩ trả lời như vậy, lớn tiếng như sư tử hống. Song nhà vua dù đã nghe thế, vẫn không thể nào chế ngự được con tim say đắm của mình, do nỗi si mê mù quáng, liền ra lệnh cho vị cận thần phải bắt nàng kia vào cung.  Vị cần thần tuân lệnh dẫn nàng đi, dù nàng đã thở than khóc lóc rằng làm ác nghiệp phi pháp là thói thường của thế gian, còn Bồ-tát nghe tiếng nàng kêu khóc, ngài chỉ nhìn một lần thôi, không nhìn nữa. Vì thế nàng bị đưa vào cung trong lúc đang kêu gào thê thảm.  Vua xứ Ba-la-nại không còn chần chờ ở ngự viên nữa, mà nhanh chóng trở về cung, triệu nàng đến chầu và ban cho nàng nhiều vinh dự cao sang. Song nàng bảo những vinh quang đó chẳng có giá trị cả, và chỉ đời sống độc cư là cao thượng thôi. Vua thấy không thể dùng cách gì để chinh phục được tim nàng, nên truyền giữ nàng trong một phòng biệt lập và bắt đầu suy nghĩ: "Ðây là một người đàn bà khổ hạnh không màng mọi thứ vinh quang này, và vị ẩn sĩ cũng không hề tỏ ra giận dữ khi người hầu bắt đi một nữ nhân tuyệt mỹ như vậy. Song những ẩn sĩ thường có mưu sâu lắm; chắc chắn ông đang lập mưu để hại ta. Ðược rồi, ta muốn trở lại gặp ông và tìm hiểu tại sao ông vẫn ngồi đó." Và thế là không thể ngồi yên được, vua đi vào ngự viên.  Lúc ấy Bồ-tát đang ngồi vá chiếc y. Vua chỉ đi một mình nên đến tận nơi, bước nhẹ nhàng không gây tiếng động. Bồ-tát vẫn tiếp tục vá áo, chẳng nhìn đến vua. Vua nghĩ: "Người này chẳng muốn nói gì với ta vì đang tức giận đấy. Kẻ khổ hạnh này đúng là gã bịp bợm, trước tiên thét lớn: "ta không muốn để lòng căm hận khởi lên chút nào, song nếu nó khởi lên, ta quyết dập tắt nó ngay lúc còn nhỏ nhoi", rồi sau đó lòng căm phẫn cứ đeo đẳng dằng dai nên gã không muốn nói chuyện với ta đó!". Với ý nghĩ này, vua ngâm vần kệ thứ ba:  *3. Ngài lớn tiếng khoe hay, Chừng một lát trước đây, Nay lặng thinh vì giận Ngài ngồi đó vá may.*  Khi bậc Ðại Sĩ nghe thế, ngài hiểu vua tưởng ngài im lặng vì tức giận, nên muốn tỏ ra là ngài không hề bị lòng phẫn nộ chi phối, ngài ngâm vần kệ thứ tư:  *4. Hễ lúc nào sinh khởi nó rồi, Chẳng bao giờ nó chịu rời tôi, Như cơn mưa lắng dần tro bụi, Tôi dập nó thời mới nhỏ nhoi.*  Khi nghe những lời này, vua suy nghĩ: "Có phải người này nói đến lòng sân hận hay điều gì khác nữa? Ta muốn hỏi ông cho rõ". Rồi vua ngâm vần kệ thứ năm:  *5. Gì đó mà không thể bỏ ngài, Chẳng bao giờ hết, suốt trong đời? Như cơn mưa lắng dần tro bụi, Ngài dập tắt gì lúc nhỏ nhoi?*  Vị kia đáp:  - Thưa Ðại vương, như thế nỗi sân hận thường đem lại nhiều đau khổ, nhiều tai hại, tàn khốc; nó chỉ vừa khởi lên trong ta, song nhờ nuôi dưỡng lòng từ mẫn, ta đã dập tắt được nó.  Rồi ngài ngâm các vần kệ sau để thuyết giảng về nỗi khổ đau vì hiềm hận:  *6. Con người không nó, thấy minh quang, Có nó, mù đui trước nẻo đàng, Nó khởi trong ta không thoát được, Hận sân, nuôi dưỡng bởi si cuồng.  7. Ðiều gì làm thích thú cừu nhân, Kẻ muốn tâm ta phải khổ buồn, Phát khởi trong ta không thoát được, Hận sân, nuôi dưỡng bởi si cuồng.  8. Cái điều, nếu nổi dậy trong mình. Che khuất người ta trước hạnh lành, Ðã phát trong ta không thoát được, Căm hờn, nuôi dưỡng bởi vô minh.  9. Ðiều làm tổn phước đức vô song, Khiến kẻ bị lừa bỏ lập công, Mãnh liệt, phá tan, đầy khủng khiếp, Không rời ta nữa, ấy là sân.  10. Ngọn lửa lên cao, sẽ lớn hơn, Nếu mỗi nhiên liệu được khơi tròn, Bởi vì ngọn lửa lên cao mãi, Nhiên liệu tự mình phải cháy luôn.  11. Cũng vậy trong tâm trí kẻ đần, Người không có thể nhận chân ra rằng Phát sinh phẫn nộ từ tranh cãi Bởi vậy thanh danh phải bại tàn.  12. Phẫn nộ nào tăng tựa lửa hừng Với mồi than củi cháy bừng bừng, Như trăng nửa tháng đêm trời tối, Ðức hạnh tiêu hao, hủy hoại dần.  13. Người nào chế ngự được lòng sân, Như lửa mà không có củi than, Như trăng nửa tháng trời dần sáng, Công đức người kia cứ mãi tăng.*  Khi vua đã nghe bậc Ðại Sĩ thuyết Pháp xong, lòng rất hoan hỷ, nên ra lệnh cho một cận thần đi dẫn người đàn bà đến, và mời vị ẩn sĩ vô sân kia cùng ở lại với nàng trong ngự viên để an hưởng lạc thú của cuộc sống độc cư và vua hứa sẽ chăm sóc bảo vệ cho hai vị như bổn phận của mình. Sau đó nhà vua xin hai vị tha thứ lỗi lầm và kính cẩn từ tạ ra về. Thế là hai vị ấy ở lại đó.  Dần dần về sau, người đàn bà ấy từ trần và sau khi nàng qua đời, vị ẩn sĩ trở về vùng Tuyết Sơn, tu tập các Thắng trí và các Thiền chứng, làm cho Tứ Vô lượng tâm (bốn Phạm trú: Từ, Bi, Hỉ, Xả) sinh khởi trong lòng, nên ngài được sinh vào cõi Phạm thiên.  \*  *Khi bậc Ðạo Sư chấm dứt Pháp thoại, Ngài tuyên thuyết các Sự Thật. Vào đoạn kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo hay sân hận kia đã được an trú vào Tam quả (Bất Lai).*  *Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*  *- Vào thời ấy, mẫu thân của Ràhula (La-hầu-la) là nữ ẩn sĩ ấy. Ànanda là vua kia và vị ẩn sĩ chính là Ta.*  -ooOoo-  **444. Câu Chuyện Hắc Nhân Dìpàyana (Tiền thân Kanhadìpàyana)**  ***Bảy ngày tâm trí được thong dong...,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể tại Kỳ Viên về một Tỷ-kheo thối thất.*  *Hoàn cảnh này sẽ được giải thích trong Tiền thân Kusa (số 531). Khi bậc Ðạo Sư hỏi lời đồn ấy có đúng không và vị Tỷ-kheo ấy đáp là đúng, thì ngài bảo:*  *- Này Tỷ-kheo, thuở xưa trước khi đức Phật xuất hiện ở đời, các bậc trí nhân, ngay cả những vị hành trì một nếp tu tập không theo Chánh pháp, trong suốt hơn năm mươi năm bước đi trong Thánh hạnh mà không thích thú nhiệt tâm, song vì bản tính thận trọng khôn ngoan, nên không bao giờ nói cho ai hay biết là các ông đã thối thất. Còn nay tại sao ông đã hành trì Giáo pháp của Ta đưa đến giải thoát, và ông đang đứng trước mặt một đức Phật Thế Tôn như Ta, sao ông dám bộc lộ sự thối thất của ông trước bốn hàng đệ tử? Tại sao ông không giữ được tính thận trọng e dè?*  *Nói xong, Ngài kể một chuyện đời xưa.*  \*  Ngày xưa, trong quốc độ Vamsa, một vị vua trị vì tại Kosambi mệnh danh là Kosambika. Thời ấy có hai vị Bà-la-môn ở một thị trấn kia, mỗi vị đều có tài sản tám trăm triệu đồng và là bạn thân thiết của nhau, cả hai ông, sau khi đã nhận thức sự tai hại của tham dục, và đã phân chia của cải ra để bố thí, liền từ bỏ thế tục ngay giữa tiếng than khóc của nhiều người thân, khởi hành về phía Tuyết Sơn, dựng am ẩn sĩ ở đó cho mình. Tại chốn ấy trong năm mươi năm liền, hai vị sống đời ẩn sĩ, nuôi thân bằng trái cây, củ rừng mà hai vị tình cờ kiếm được; song các vị không thể nào chứng đắc Thiền định.  Sau năm mươi năm ấy đã trôi qua, các vị đi du hành qua vùng quê xin muối và đồ gia vị, lại đến vương quốc Kàsi. Trong một thị trấn của quốc độ này có một gia chủ tên là Mandavya, đã từng là một thân hữu tại gia ngày trước của ẩn sĩ Dìpàyana. Hai vị liền đi đến thăm ông Mandavya này; vừa trông thấy hai vị, ông chủ nhà vô cùng thích thú, liền xây cho hai vị một am tranh, cung cấp đầy đủ mọi loại vật dụng cần thiết của cuộc sống ẩn sĩ. Hai vị ở đó ba bốn mùa, rồi từ giã ông, tiến về Ba-la-nại, tại đây hai vị vào ở trong nghĩa địa trồng toàn cây Atimuttaka. Khi Dipàyana đã ở đó một thời gian như ý muốn, ngài trở về nơi người bạn xưa lần nữa; còn Tôn-giả Mandavya, ẩn sĩ kia, vẫn ở chỗ cũ.  Lúc bấy giờ, một ngày kia có tên đạo tặc gây cướp bóc trong thị trấn, và trở về từ nơi ấy cùng một số của cải cướp được. Các gia chủ, lính canh, chạy ra cùng la to "kẻ trộm" và kẻ trộm bị các người này đuổi gấp, đã thoát thân qua một ống cống và trong lúc đang chạy quanh gần nghĩa địa, gã làm rơi gói đồ ở cửa nhà lá của vị ẩn sĩ ấy. Khi các chủ nhà thấy gói này, đồng kêu to:  - À đồ khốn kiếp! Anh là quân trộm cướp ban đêm, còn ban ngày anh đi quanh quẩn giả dạng tu hành.  Rồi vừa phỉ báng, vừa đấm đá, họ đem vị này vào yết kiến vua.  Vua không bảo điều tra gì cả mà chỉ nói:  - Dẫn nó đi ra và đóng cọc vào nó.  Họ đem ông đến nghĩa địa, đặt ông vào cái cọc bằng gỗ cây keo. Song cây cọc không chịu đâm qua thân của vị ẩn sĩ, kế đó họ mang vào cái cọc khác, song cái này cũng không đâm thủng ông, kế đó là cái cọc sắt, cũng không thể đâm thủng thân ông được. Ông tự hỏi hành động nào trong quá khứ của mình đã gây nên sự việc này, liền quan sát quá khứ, trong tâm ông khởi lên tri kiến về các đời trước, nhờ vậy nhìn lại quá khứ, ông thấy những việc đã làm từ lâu, đó chính là việc đâm thủng một con ruồi trên một mảnh gỗ mun.  Chuyện kể rằng trong một đời trước, ông là con trai một người thợ mộc. Một bữa nọ, cậu đi đến chỗ người cha thường đốn cây và cậu đã dùng một mảnh gỗ mun đâm thủng một con ruồi như thể đóng cọc vào nó. Chính ông phát giác ra tội ác kia vào giờ phút nguy kịch này. Ông nhận thức rằng không thể nào thoát khỏi ác nghiệp cũ được, nên bảo đám quân hầu của vua:  - Nếu các ông muốn đóng cọc ta, hãy lấy cái cọc bằng gỗ mun.  Họ làm theo, và đóng cọc vào vị ấy xong, họ để lại một tên quân canh giữ vị ấy và ra đi.  Bọn lính canh từ một nơi ẩn nấp quan sát mọi việc xảy ra cho vị ấy. Lúc bấy giờ, Dìpàyana suy nghĩ: "Ta đã gặp đạo hữu của ta cách đây lâu rồi", liền muốn đi tìm bạn. Khi nghe tin bạn đã bị đóng cọc treo lên suốt ngày bên vệ đường, ông liền đi đến đứng bên bạn và hỏi bạn đã làm gì.  - Chẳng làm gì cả. Vị ấy đáp.  Vị kia lại hỏi:  - Thế hiền hữu, ta chẳng thấy sân hận gì những kẻ đã bắt ta, cũng chẳng hiềm hận vua; chẳng có nỗi oán hờn nào trong tâm ta cả.  - Nếu quả vậy, thì bóng mát của một vị đức độ như thế này cũng đủ đem lại an lạc cho đời ta rồi.  Cùng với những lời này, ông ngồi xuống cạnh cây cọc. Từ thân của Mandavya rơi xuống vài giọt máu trên thân người bạn. Vì chúng rơi xuống làn da vàng óng và khô đi như thể các chấm đen trên đó, khiến cho ông có tên Kanha hắc nhân Dìpàyana từ đó về sau. Và ông cứ ngồi yên tại chỗ suốt đêm.  Ngày hôm sau, bọn quân canh đến kể mọi chuyện với vua, ngài bảo:  - Ta đã hành động quá hấp tấp.  Rồi vua vội vã đến nơi, hỏi Dìpàyana chuyện gì đã khiến ông ngồi bên cây cọc. Ông đáp:  - Tâu Ðại vương, thần ngồi đây để canh bạn. Nhưng xin cho biết người này đã làm gì, hay bỏ dở việc gì chưa làm, mà Ðại vương đối xử như vậy?  Vua giải thích là vấn đề chưa được điều tra. Vị kia đáp:  - Tâu Ðại vương, một vị vua phải hành động cẩn trọng; một người thế tục phóng túng, ham mê dục lạc là điều không hay v.v...  Và ông còn khuyến cáo nhà vua thêm những việc tương tự như thế nữa.  Khi vua thấy Mandavya vô tội, ngài ra lệnh nhổ cọc lên. Nhưng dù bọn chúng gắng hết sức, cũng không nhổ lên được. Mandavya bảo:  - Tâu Ðại vương, thần phải chịu mang sự ô nhục này là do một lỗi lầm đã phạm thời xa xưa, nên không thể nào nhổ cọc ra khỏi thân này được. Song nếu Ðại vương muốn cứu mạng thần, xin bảo đem đến cái cưa, xẻ cái cọc ngang sát lớp da.  Vua bảo làm như thế; nên phần cây cọc nằm trong thân ông vẫn còn đó. Vì chuyện kể rằng trước kia có lần ông cầm một viên kim cương nhỏ đâm thủng ống mật của một con ruồi nọ để nó khỏi chết, cho đến lúc nó tận số. Nhờ vậy ông cũng không chết luôn. Chuyện kể như thế.  Còn nhà vua đảnh lễ hai vị ẩn sĩ, xin thứ lỗi, rồi đem hai vị vào trú ngụ trong ngự viên, và chăm sóc hai vị tại chỗ ấy. Cũng từ đó, Mandavya được gọi là "Mandavya mang-cái-cọc", cứ sống ở nơi này gần gũi nhà vua. Phần Dìpàyana, sau khi chữa lành vết thương cho bạn xong, lại trở về với bạn xưa là gia chủ Mandavya. Khi gia nhân nhận thấy vị này đi vào am thất cũ, liền đi báo với gia chủ. Ông chủ nghe tin lòng rất hoan hỷ, cùng với vợ con đem nhiều hương liệu, tràng hoa, dầu, đường đi đến am thất, đảnh lễ Dìpàyana, rửa chân và xoa dầu thơm cho vị này xong, đem mời nước uống và ngồi lắng nghe câu chuyện ẩn sĩ Mandavya mang-cây-cọc.  Bấy giờ con trai của gia chủ là nam tử Yannadatta, đang chơi đùa với quả cầu ở cuối mái hiên. tại đó, có một con rắn trong một ổ kiến. Trái cầu của cậu trai bị ném xuống đất, chạỵ tọt vào lỗ kiến kia và rơi nhằm con rắn. Vì không biết sự này, cậu thò tay vào lỗ. Con rắn tức giận cắn tay cậu, khiến cậu ngã xuống bất tĩnh vì nọc độc của rắn quá mạnh. Sau đó cha mẹ cậu thấy con bi rắn cắn, liền nâng con dậy đem đến vị ẩn sĩ kia, đặt cậu nằm dưới chân vị này và nói:  - Thưa Tôn giả, các bậc tu hành thường biết các cây thảo dược và bùa chú, xin Tôn giả chữa trị cho con chúng tôi.  - Ta đâu biết gì về thảo dược, ta chẳng làm nghề y sĩ bao giờ.  - Thưa Tôn giả, ngài là bậc tu hành xin thương xót thằng bé này và thực hiện một lời Nguyện cầu Chân thật.  - Ðược lắm - vị ẩn sĩ đáp - ta sẽ thực hiện một lời Nguyện cầu Chân thật.  Rồi vừa đặt đặt lên đầu Yannadatta, ông vừa ngâm vần kệ đầu:  *1. Bảy ngày tâm trí thật thong dong, Thanh tịnh sống đời ước lập công, Từ đó năm mươi năm ẩn dật, Chú tâm ta bộc bạch lời chân; Nơi đây ta sống dù không muốn, Lời thật này mong tạo phước ân, Khiến nọc độc không còn hiệu lực, Cậu trai này sẽ tỉnh lên dần.*  Chẳng bao lâu khi lời Nguyện cầu Chân thật này được thực hiện, thì chất độc phóng ra từ ngực của Yannadatta và chui xuống đất. Cậu bé mở mắt nhìn cha mẹ và kêu:  - Mẹ ơi!  Rồi cậu quay người nằm im. Lúc ấy Hắc nhân Dìpàyana bảo người cha:  - Này, ta đã dùng hết khả năng của ta, nay đến thời bạn dùng khả năng của mình đi.  Người cha đáp:  - Vậy tôi sẽ thực hiện lời Nguyện cầu Chân thật.  Rồi vừa đặt tay lên ngực con trai, ông vừa ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Chẳng chút quan tâm vật cúng dường Ta đem đãi mọi khách qua đường, Song người hiền trí chưa hề biết Ta đã tự kiềm chế bản thân; Dù bố thí, ta lòng miễn cưỡng, Cầu mong lời thật tạo hồng ân, Làm cho nọc độc thành vô hiệu, Thằng bé này đây được tỉnh dần.*  Sau khi ông thực hiện lời Nguyện cầu Chân thật này, từ lưng cậu bé nọc độc xuất ra và chui xuống đất. Cậu ngồi dậy, nhưng chưa thể đứng lên được. Lúc ấy người cha bảo người mẹ:  - Này phu nhân, ta đã dùng hết khả năng của ta, bây giờ chính bà dùng năng lực của mình phát nguyện Lời Chân thật để làm cho con bà đứng lên và đi được.  Bà vợ đáp:  - Tôi cũng có một sự thật muốn nói ra, nhưng trước mặt quí vị tôi không thể nói được.  Ông bảo:  - Này phu nhân, hãy dùng hết mọi phương cách làm cho con ta bình phục.  Bà đáp:  - Thế thì tốt lắm.  Và lời Nguyện cầu Chân thật của bà được đưa ra trong vần kệ thứ ba:  *3. Rắn nọ cắn con mới nãy giờ, Nằm trong lỗ ấy hỡi con thơ, Và cha con đó, này ta bảo, Là một, trong tim mẹ hững hờ, Mong sự thật này mang phươc đức, Nọc tan, con trẻ tỉnh hồn mơ!*  Chẳng bao lâu lời Nguyện Cầu Chân thật này được thực hiện thì tất cả nọc độc đều tuôn ra và chui xuống đất. Yannadatta đứng dậy, toàn thân cậu đã được tẩy sạch hết chất độc, nên cậu bắt đầu chơi đùa. Khi cậu bé đã hồi tỉnh như thế xong, gia chủ Mandavya hỏi về tâm tư của Dìpàyana qua vần kệ thứ tư:  *4. Người ta xuất thế, trí quang minh, Thuần thục, tâm không chút bất bình, Trừ bạn Kan-ha, sao thối chất, Chẳng mong tiến bước đạo tu hành?*  Ðể đáp lại lời này, vị kia ngâm vần kệ thứ năm:  *5. Xuất thế rồi quay lại cõi trần, Chắc người ta nghĩ: "Kẻ ngu đần!", Chính điều này khiến ta lùi bước, Ta vẫn hành trì đạo Thánh nhân Tuy vậy ta không còn phát nguyện, Ta theo Thánh đạo bởi nguyên nhân: Ðược lời khen ngợi từ người trí, Là cách người hiền thiện trú thân.*  Sau khi đã giải thích lối suy nghĩ của mình như vậy xong, vị này hỏi Mandavya lần nữa qua vần kệ thứ sáu:  *6. Nhà bạn đây như thể quán ăn, Chứa đồ ẩm thực để cung dâng La-môn, trí giả cùng du khách, Thỏa mãn cơn khao khát, đói lòng, Xong sợ điều gì gây tiếng xấu, Nên lòng miễn cưỡng lại cho không.*  Ðến lượt Mandavya giải thích ý tưởng mình qua vần kệ thứ bảy:  *7. Giữ gìn Thánh hạnh các cha ông, Là thí chủ ban phát rộng lòng, Theo gót xưa, ta đầy cẩn trọng, Sinh thời đường lối của gia tông, Sợ mình sẽ biến thành suy thoái, Nên miễn cưỡng lòng vẫn biếu không.*  Sau khi nói xong, Mandavya hỏi vợ qua vần kệ thứ tám:  *8. Khi còn thiếu nữ trí ngây thơ, Ta cưới bà về tự nhạc gia, Bà chẳng bảo lòng ta lãnh đạm Làm sao bà sống cả đời bà, Không tình gắn bó, không thương mến, Bà đã vì đâu ở lại nhà, Hỡi quí phu nhân đầy yểu điệu, Sống đời lạnh lẽo thế cùng ta.*  Bà vợ đáp qua vần kệ thứ chín:  *9. Chẳng phải là nề nếp cổ phong, Cho người làm vợ lại thay chồng, Chẳng bao giờ thế, nên tôi vẫn, Giữ thói lề kia, kẻo ngại rằng Tôi bị người xem là thoái hóa, Chính niềm lo sợ tiếng đồn hung, Khiến tôi ở lại và chung sống Chẳng có tình yêu, vẫn lạnh lùng.*  Sau khi vừa nói điều này ra xong, một ý nghĩ chợt đến với bà: "Nay ta đã nói điều bí mật kia với chồng ta rồi, cái điều bí mật chưa hề bao giờ được nói ra cả! Chắc chàng sẽ giận ta lắm; vậy ta muốn được xin lỗi chàng ngay trước mặt vị ẩn sĩ này vốn là bạn chân tình của nhà ta!" Với mục đích trên, bà ngâm vần kệ thứ mười:  *10. Giờ đây thiếp lỡ nói rồi, Những điều chẳng đáng nên lời nói ra Vì con, mong ước thứ tha, Không gì hơn được mẹ cha nồng tình, Yan-na, con của chúng mình Trước đây đã chết, hồi sinh bây giờ!*  - Thôi phu nhân hãy đứng dậy đi - Mandavya nói - tôi tha lỗi cho bà rồi. Từ nay bà đừng vô tình với tôi nữa; rồi tôi sẽ không bao giờ buồn phiền gì bà đâu.  Còn Bồ-tát bảo Mandavya:  - Trong khi thu thập được nhiều của cải bất chính, rồi bạn lại phân phát bố thí rộng rãi, song không có lòng tin rằng hành động ấy là hạt giống an lành mang lại dị thục quả, như thế là bạn sai lần đấy. Trong tương lai, bạn hãy tin tưởng vào công đức của lễ vật bố thí, và bạn hãy bố thí cúng dường.  Vị gia chủ hứa làm như vậy, và đến phiên mình nói với Bồ-tát:  - Thưa Tôn giả, chính Tôn giả cũng sai lầm khi nhận lễ vật của chúng tôi cúng dường trên bước đường Thánh hạnh mà lòng không phát nguyện tu hành. Giờ đây để cho hạnh nghiệp của Tôn giả mang lại nhiều phước quả dồi dào, xin từ nay về sau Tôn giả tiến lên trong Thánh đạo với lòng an tịnh thanh thản và tràn đầy thiên lạc.  Rồi hai ông bà giã từ bậc Ðại sĩ và ra về.  Từ đó về sau, bà vợ thương yêu chồng mình, gia chủ Mandavya giữ tâm thanh tịnh, đem của cải bố thí với đầy đủ lòng tin; còn Bồ-tát xua tan hết lòng thối thất, và tu tập các Thắng trí thiền định nên được sinh lên cõi Phạm thiên.  \*  *Khi Pháp thoại này chấm dứt, Bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Bấy giờ vào đoạn kết thúc các Sự Thật, vị Tỷ-kheo thối thất đã được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*  *- Vào thời ấy Ànanda là gia chủ Mandavya; Visàkhà (Tỳ-cá-khư) là bà vợ, Sàriputta (Xá-lợi-phất) là Mandavya mang-cái-cọc, và Hắc nhân Dìpàyana chính là Ta.*  -ooOoo-  **445. Chuyện Vua Ða (Tiền thân Nigrodha)**  ***Người ấy là ai, ta chẳng hay ...,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể tại Trúc Lâm về Devadatta (Ðề-bà-đạt-đa).*  *Một bữa nọ, các Tỷ-kheo bảo vị này:*  *- Này hiền hữu Ðề-bà-đạt-đa, bậc Ðạo sư cứu độ hiền hữu rất nhiều! Từ bậc Ðạo Sư, hiền hữu đã thọ đủ Tiểu giới và Ðại giới; hiền hữu đã học Tam Tạng là tiếng nói của đức Phật; hiền hữu đã làm phát khởi Thiền định trong tâm hiền hữu; vinh quang là lợi lạc của đấng Thập Lực thuộc về hiền hữu.*  *Nghe vậy vị này liền đưa lên một cọng cỏ và nói:*  *- Ta không thấy một điều lợi lạc nào mà Sa-môn Gotama đã tạo cho ta cả, dù chỉ bằng cọng cỏ này.*  *Tăng chúng bàn tán việc ấy trong Chánh Pháp đường. Khi bậc Ðạo Sư bước vào, Ngài hỏi các vị ấy đang bàn luận điều gì trong lúc ngồi đó. Các vị trình lên Ngài, Ngài bảo:*  *- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu, mà từ lâu cũng như bây giờ, Ðề-bà-đạt-đa đã vô ơn và phản bội thân hữu.*  *Rồi Ngài kể cho Tăng chúng một chuyện đời xưa:*  \*  Ngày xưa một vị Ðại vương danh hiệu là Magadha (Ma-kiệt-đà) cai trị ở thành Ràjagaha (Vương xá) .  Một thương nhân trong thành ấy cưới về nhà cho con trai mình một cô vợ, đó là con gái của một thương nhân ở thôn quê. Song nàng ấy không sinh sản gì. Theo thời gian, vì nguyên cớ đó, lòng kính trọng đối với nàng giảm đi; cả nhà thường nói chuyện cho nàng có thể nghe được như vầy:  - Khi có một người vợ không sinh sản trong nhà, con trai ta làm sao nối dõi tông đường được?  Khi chuyện này cứ đến tai nàng mãi, nàng tự nhủ: "được rồi, ta sẽ giả vờ mang thai để đánh lừa họ".  Thế là nàng hỏi vú già tốt bụng của nàng:  - Ðàn bà có thai phải làm gì?  Và khi được chỉ bảo những điều cần làm để giữ gìn thai nhi, nàng dấu kín thời kỳ hành kinh của nàng, lại tỏ ý thích ăn các vị chua mới lạ. Vào lúc tay chân bắt đầu to lên, nàng nhờ chúng bạn đập vào tay chân, và lưng cho đến khi chúng sưng phồng lên; dần dần nàng bó quanh người nàng bằng giẻ vụn và vải làm cho thân thể có vẽ lớn dần; lại bôi đen hai đầu vú nàng, và chỉ trừ bà nhũ mẫu ấy ra, chẳng ai được phép ở bên nàng lúc nàng tắm rửa. Chồng nàng cũng tỏ ra chăm sóc nàng chu đáo cho phù hợp với hoàn cảnh ấy.  Sau chín tháng trôi qua trong cảnh này, nàng tỏ ý muốn trở về nhà sinh con trong nhà cha mẹ mình. Vì vậy nàng từ giã cha mẹ chồng, lên xe cùng một số gia nhân từ bỏ thành Vương Xá lại đằng sau, thẳng tiến lên đường.  Lúc bấy giờ trước mặt nàng có một đoàn xe ngựa đang du hành, và lúc nào nàng cũng đến vào khoảng giờ ăn điểm tâm ở địa điểm mà đoàn xe kia vừa mới ra đi. Vào một đêm kia, một người đàn bà nghèo khổ trong đoàn xe đã hạ sinh một con trai dưới gốc cây đa; và nghĩ rằng nếu không có đoàn xe ấy bà không thể đi thêm được nữa, song nếu bà sống, bà có thể nhận được hài nhi ấy, nên bà quấn nó lại, để nó nằm dưới gốc cây đa. Vị thần cây này săn sóc hài nhi: đó không phải là một đứa bé bình thường, mà chính là Bồ-tát đã xuất hiện ở đời trong hình thức ấy.  Vào giờ ăn sáng, đoàn lữ hành kia đến nơi đó. Còn nàng ấy cùng nhũ mẫu của nàng đi riêng ra chỗ bóng mát của cây đa để rửa ráy, chợt thấy hài nhi có màu vàng chói nằm đó. Lát sau, nàng gọi bà nhũ mẫu bảo rằng mục tiêu của họ đã đạt được rồi; nàng liền mở các lớp vải quấn bụng ra, tuyên bố hài nhi ấy là con nàng và nàng vừa mới sinh ra nó.  Các kẻ hầu cận lập tức dựng lều để dành chỗ ở riêng cho nàng, và vô cùng hân hoan gởi một lá thư về thành Vương Xá. Cha mẹ chồng nàng đáp thư lại rằng vì hài nhi đã ra đời nên nàng không cần phải trở về nhà cha nàng nữa, mà hãy quay lui. Vì vậy nàng lập tức trở về Vương Xá. Và gia đình chồng thừa nhận hài nhi ấy nên khi hài nhi được đặt tên, họ đặt tên nó theo chốn nó ra đời, là Nigrodha Kumàra hay Cậu bé Ða.  Cùng ngày hôm ấy cô con dâu của một thương nhân trên đường về nhà cha ruột để sinh con, đã cho ra đời một bé trai dưới cành cây nên họ đặt tên nó là Sakka Kumàra hay Cậu Nhành. Và cùng ngày hôm đó, vợ của người thợ may làm việc cho thương nhân này lại sinh một con trai giữa đống vải vụn của nàng, họ nên đặt tên nó là Pottika hay Chú bé Nhồi bông.  Nhà đại phú thương cho đi tìm hai hài nhi ấy về, vì chúng sinh cùng một ngày với công tử Ða, và cho nuôi chúng với nhau.  Các đứa trẻ lớn lên, về sau đi đến Takkasilà để hoàn thành việc học tập. Cả hai nam tử con các thương nhân nhận được hai ngàn đồng để trả học phí cho thầy giáo, công tử Ða bảo trợ việc học tập cho Pottika.  Khi việc học hành đã hoàn tất, các ông từ giã thầy giáo và ra đi với ý định tìm hiểu phong tục dân quê, nên cứ ngao du mãi, vừa lúc đến thành Ba-la-nại, liền nằm xuống nghỉ ngơi, trong một ngôi đền thờ.  Khi ấy vua Ba-la-nại đã băng hà được bảy ngày rồi. Có tiếng trống lệnh loan báo khắp kinh thành rằng ngày mai sẽ có xe hoa hành lễ. Ba người bạn ấy đang nằm ngủ dưới gốc cây, vào tảng sáng, Pottika thức dậy, vừa ngồi vừa xoa bóp chân cậu Ða. Có vài con gà trống đang gáy trên cây ấy, con gà trên đọt cây làm rơi một cục phân trên con gà ở gần gốc cây. Con này hỏi:  - Cái gì rớt trên ta thế này?  Con kia đáp:  - Xin tôn ông đừng giận, ta không cố ý làm như vậy.  - Thế chú tưởng thân ta là chỗ để chú thả phân ra hay sao? Chú không biết giá trị của ta, điều ấy đã rõ quá!  Nghe vậy con gà kia đáp lại:  - Ô kìa, ngài cứ thịnh nộ mãi, dù ta đã nói là ta không cố ý làm việc đó. Thế xin cho biết giá trị của ngài ra sao?  - Hễ bất kỳ ai giết ta ăn thịt sẽ được một ngàn đồng tiền sáng nay. Ðó không phải là điều đáng tự hào hay sao?  - Úi chà! Úi chà! Gà kia đáp lại. Tự hào gì cái việc vặt vãnh ấy! Này, nếu cứ giết ta và ăn mỡ của ta sẽ trở thành vua ngay sáng nay. Còn nếu ăn thịt ở bụng sẽ thành đại tướng; ai ăn thịt ở ức sẽ thành quan giữ ngân khố.  Pottika nghe lọt hết mọi chuyện này. Cậu suy nghĩ: "Một ngàn đồng tiền...! Cái gì đây? Ðược làm vua là tuyệt nhất!"  Thế là nhẹ nhàng trèo lên cây, cậu nắm lấy con gà trống gáy trên đọt cây, giết nó đi và nướng gà trên than hồng, đem mỡ gà cho cậu Ða, thịt bụng cho cậu Nhành còn chính mình ăn thịt quanh xương ức. Khi đã ăn xong, cậu bảo:  - Thưa công tử Ða, hôm nay ngài sẽ làm vua; thưa công tử Nhành, hôm nay ngài sẽ làm đại tướng; còn tôi sẽ làm quan giữ kho báu.  Hai cậu kia hỏi làm thế nào biết được chuyện ấy, cậu liền kể lại hết.  Vì vậy vào khoảng giờ ăn buổi cơm sáng trong ngày, ba cậu vào thành Ba-la-nại. tại nhà một vị Bà-la-môn, các cậu được ăn một bữa cháo gạo, với bơ tươi và đường, rồi từ kinh thành các cậu vào ngự viên.  Cậu Ða nằm xuống một phiến đá, hai cậu kia nằm bên cạnh. Vừa lúc ấy dân chúng cử hành lễ rước xe hoa cùng với năm biểu tượng của vương quyền (kiếm, lọng, miện, hài, quạt) trên đó. (Các chi tiết câu chuyện này sẽ được tả trong câu chuyện Tiền thân Mahàjanaka, số 539, tập VI). Vương xa tiến vào và dừng lại, đứng sẵn sàng để các vị bước lên. "Chắc có một bậc Ðại nhân tài đức ở đây". Viên quan tế lễ tự nhủ. Ông bước vào ngự viên, nhìn thấy cậu thanh niên này, rồi giở lớp vải dưới bàn chân cậu để quan sát các dấu hiệu trên đó. Ông bảo:  - Ô kìa, người này có số được làm vua toàn cõi Diêm phù-đề (Ấn Ðộ), chứ nói gì chỉ một thành Ba-la-nại.  Và ông ra lệnh cho chuông trống, thanh la nổi lên.  Cậu Ða thức dậy ném tấm vải trùm mặt ra, liền thấy một đám đông vây quanh cậu! Cậu quay nhìn quanh quẩn nằm im một lát rồi trở dậy ngồi xếp bằng đôi chân...Vị tế sư quỳ xuống bảo:  - Tâu Thần nhân, vương quốc này thuộc về ngài.  - Ðược rồi, cứ như vậy. Cậu đáp.  Vị tế sư liền đặt cậu ngồi trên một đống báu vật rồi làm lễ quán đảnh (rảy nước thánh), phong vương cho cậu.  Khi được phong vương như vậy rồi, vua ban chức Ðại tướng cho bạn Nhành, rồi vào kinh thành trong cảnh uy nghi trọng thể, còn Potika cũng đi vào với hai ông.  Từ ngày ấy trở về sau, bậc Ðại Sĩ cai trị rất đúng pháp tại Ba-la-nại.  Một ngày kia chợt nhớ đến song thân, ngài bảo tướng Nhành:  - Này hiền hữu, ta không thể sống thiếu cha mẹ được. Vậy hãy đem một đoàn người về tìm song thân ta.  Song tướng Nhành từ chối:  - Ðó không phải là việc của hạ thần. Ông bảo.  Sau đó ngài bảo Pottika làm việc ấy. Pottika tuân lệnh lên đường tiến về nhà song thân của vua Ða, nói cho hai vị biết là con trai của họ đã lên làm vua, và mong họ đến ở với ngài. Song họ từ chối, bảo rằng họ đã có cả thế lực lẫn giàu sang rồi, đầy đủ như vậy, họ không muốn đi nữa. Chàng cũng đi mời song thân tướng Nhành đến triều, nhưng họ cũng chỉ thích ở lại đấy hơn; và đến khi chàng về mời chính song thân mình, họ bảo:  - Chúng ta sống bằng nghề may vá, thế đủ rồi, đủ rồi.  Và họ cũng từ chối như các người kia.  Vì chàng không đáp ứng nguyện vọng các vị lão thân, chàng đành trở về Ba-la-nại. Chàng nghĩ rằng sẽ về và nghỉ ngơi cho đỡ mệt nhọc vì cuộc hành trình tại nhà vị Ðại tướng trước khi yết kiến vua Ða, liền đến nhà kia. Chàng bảo người canh cổng:  - Xin báo cho Ðại tướng biết thân hữu Pottika đến đây.  Người ấy tuân lệnh. Song tướng Nhành vẫn mang mối hiềm hận đối với chàng, vì tướng ấy bảo chàng kia đã giao vương quyền cho thân hữu Ða thay vì chính mình cho nên khi nghe lời nhắn này, tướng quân nổi cơn thịnh nộ:  - Thân hữu như vậy ư? Ai là thân hữu của nó? Nó chỉ là thằng thô tục, hạ đẳng, ngu ngốc. Hãy tóm lấy nó ngay!  Thế là chúng đánh đá chàng, nện nhừ tử bằng chân cẳng, cùi chỏ một trận nên thân, rồi tóm cổ chàng quẳng ra đường.  Chàng suy nghĩ: "Nhành được chức vụ Ðại tướng nhờ ta, thế mà nay nó phản bội, độc ác, đã đánh đập ta rồi quẳng ta ra đường. Song còn bạn Ða là bậc hiền nhân, biết ân nghĩa và lương thiện, và ta sẽ đi gặp bạn ấy."  Thế là chàng đến cửa cung, đưa tin vào nhà vua rằng thân hữu của ngài là Pottika đang chờ ở cửa.  Vua mời chàng vào, khi thấy chàng đến gần, ngài liền đứng dậy, tiến đến đón chàng, chào hỏi rất thân thiết; ngài ra lệnh cạo râu tóc và chăm sóc chàng chu đáo rồi trang điểm cho chàng bằng các loại ngọc vàng, đãi tiệc chàng đầy đủ thức cao lương mỹ vị. Xong xuôi nhà vua lại ân cần ngồi bên chàng hỏi thăm song thân mình, chàng tường trình cho ngài biết hai vị đó từ chối việc đến đây ở.  Lúc bấy giờ tướng Nhành thầm nghĩ:" Chắc Pottika sẽ phỉ báng ta vào tai đức vua, song nếu ta đến bên ngài, gã sẽ không thể nói được." Vì thế chàng này cũng đến đó. Còn Pottika, dù có Nhành hiện diện, vẫn tâu với vua:  - Tâu chúa thượng, khi hạ thần mệt nhọc vì đường xa, đã đến nhà tướng Nhành, hy vọng nghỉ ngơi tại đó trước rồi đến yết kiến ngài sau. Song tướng Nhành bảo: "Ta chẳng biết gã đó!" Rồi đối xử tàn tệ với hạ thần, và tóm cổ hạ thần quẳng ra ngoài! Xin Chúa thượng tin lời hạ thần nói.  Cùng với các lời này, chàng ngâm ba vần kệ:  *1. Người đó là ai, ta chẳng hay, Ai là thân phụ của người đây, Nhành còn hỏi: Nó là ai đó? Ða hỡi, nghĩ sao trước việc này?  2. Ðầy tớ Nhành kia cứ y lời Ðấm, thoi, tát, đánh khắp người tôi, Rồi còn chụp lấy tôi vào cổ, Từ đó lôi tôi quẳng phía ngoài.  3. Phản bội như vầy đối với tôi, Chỉ người độc ác mới làm thôi, Vong ân bạc nghĩa là ô nhục, Gã cũng bạn ngài, Chúa thượng ôi!*  Nghe những lời này, vua Ða liền ngâm bốn vần kệ  *4. Ta chẳng hề nghe, cũng chẳng hay Một ai từng nói chuyện như vầy, Xấu xa như bạn đang tường thuật, Nhành ấy vừa làm tại chốn đây.  5. Bạn cùng ta, sống với Sàk-kha, Ðồng bọn chí tình thưở đã qua, Bạn đã giành phần cho mỗi một, Hướng quyền vương tước, tặng hai ta, Vinh quang ta được là nhờ bạn, Còn có gì nghi hoặc nữa mà.  6. Khi hạt ném trong ngọn lửa hồng, Cháy rồi, hạt chẳng thể gieo trồng Ta làm việc thiện cho người ác, Cũng vậy, nó tàn lụi diệt vong.  7. Chúng chẳng như nhiều kẻ biết ơn, Những người đức hạnh, bậc hiền lương, Ðất lành, hạt chẳng hề quăng bỏ, Như việc làm cho các thiện nhơn.*  Trong khi vua Ða ngâm kệ trên, tướng Nhành đứng im tại chỗ. Sau đó vua hỏi:  - Nào bạn Nhành, bạn có nhận ra anh chàng Pottika này không?  Gã đành câm lặng. Vua liền truyền xử gã này qua những lời của vần kệ thứ tám:  *8. Tóm tên hèn hạ bội ân này, Tư tưởng nó đà xấu ác thay, Ðâm nó! Vì ta cho nó chết, Nghĩa gì đời nó với ta đây?*  Sau khi Pottika nghe nói vậy, liền suy nghĩ trong lòng: "Chớ nên để kẻ ngu si này chết vì ta!" nên chàng ngâm vần kệ thứ chín:  *9. Ðại vương, mong mở lượng từ bi, Thật khó tìm đời sống mất đi, Chúa thượng dung tha cho nó sống, Thần mong thằng khốn chẳng sầu chi.*  Khi vua nghe vậy, ngài tha tội cho Nhành; và ngài muốn ban chức Ðại tướng cho Potika, song chàng không nhận. Rồi vua phong chàng chức Chưởng khố, và với chức vụ đó, chàng xét xử các đám thương nhân. Trước kia chẳng có chức vụ đó, song chức vụ này tồn tại từ đây về sau. Dần dần với thời gian, quan Chưởng khố Pottika được phước đầy đủ con trai con gái, đã ngâm vần kệ cuối cùng để giáo hóa các con:  *10. Ta cần sống với Ni-gro-dha Chẳng tốt gì hầu hạ Sà-kha, Nếu phải sống cùng Nhành, đại tướng, Thà nên chịu chết với vua Ða.*  \*  *Khi Pháp thoại chấm dứt, bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Như vậy, này các Tỳ kheo, các ông thấy rằng trước kia Ðề bà đạt đa cũng đã vô ơn bạc nghĩa rồi.*  *Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*  *- Vào thời đó, Ðề-bà-đạt-đa là Sàkha, Ànanda là Pottika, và Nigrodha chính là Ta.*  -ooOoo-  **446. Chuyện Cây Hành (Tiền thân kkala)**  ***Chẳng rau để luộc, cũng không hành...,***  *Chuyện này bậc Ðạo Sư kể tại Kỳ Viên về một cư sĩ phụng dưỡng cha mình.*  *Chuyện kể rằng người này tái sinh vào một gia đình nghèo khó. Sau khi mẹ mất, chàng thường dậy sớm vào buổi sáng và soạn tăm xỉa răng cùng nước súc miệng, sau đó đi làm thuê hay cày ruộng ngoài đồng, chàng thường nấu cháo gạo nuôi cha theo phong cách phù hợp hoàn cảnh mình. Cha chàng bảo:*  *- Này con, con phải làm mọi việc từ trong nhà ra ngoài đường. Thôi để cha kiếm vợ cho con, nàng ấy sẽ làm việc nhà thay con.*  *Chàng đáp:*  *- Thưa cha, nếu có đàn bà đến nhà này, họ sẽ không làm cha con ta yên tâm được đâu. Xin cha đừng mơ tưởng chuyện đó nữa. Khi cha còn sống, con muốn phụng dưỡng cha, và khi cha từ trần, con sẽ biết việc gì cần làm.*  *Song người cha đi kiếm về một cô gái, dù con mình không muốn, và nàng ấy lo chăm sóc chồng và cha chồng; tuy vậy, nàng là người hèn hạ. Lúc bấy giờ chồng nàng hài lòng vì nàng đã săn sóc cha chàng, và bất cứ món gì chàng tìm được để làm nàng vui lòng, chàng đều đem về cho nàng và nàng đưa cho cha chồng. Rồi có lúc người đàn bà ấy suy nghĩ: "Bất cứ cái gì chồng ta kiếm được đều đem cho ta, chứ không cho cha chàng chút nào cả. Rõ ràng là chàng chẳng quan tâm gì đến cha. Ta phải tìm cách gây xích mích giữa ông già và chàng, rồi ta sẽ đuổi ông già ra khỏi nhà."*  *Vì thế từ đó, nàng bắt đầu đem nước quá lạnh hoặc quá nóng cho ông lão, thức ăn thì nàng bỏ muối quá nhiều hoặc chẳng bỏ chút muối nào, cơm nàng nấu cứng ngắc hoặc mềm nhão; nàng cố làm đủ mọi thứ như vậy để khiêu khích ông lão. Rồi khi ông lão tức giận, nàng mắng lại:*  *- Ai hầu nổi một ông già như thế này?*  *Nàng vừa nói vừa gây chuyện ồn ào. Nàng khạc nhổ khắp mặt đất rồi thức chồng nàng dậy và bảo:*  *- Xem kìa, cha chàng làm thế đó! Thiếp mãi van xin cha đừng làm thế này thế nọ, mà cha chỉ nổi giận. Hoặc cha chàng, hoặc thiếp phải đi ra khỏi nhà này.*  *Lúc ấy người chồng bảo:*  *- Này nàng, nàng còn trẻ, nàng muốn ở đâu tùy ý, song cha ta đã già, nếu nàng không thích ông cụ, thì nàng cứ đi khỏi nhà.*  *Lời nói ấy khiến nàng khiếp sợ. Nàng quỳ xuống chân ông lão xin ông thứ lỗi và hứa từ nay sẽ không làm thế nữa, rồi lại bắt đầu săn sóc ông lão như trước kia.*  *Vị cư sĩ đáng trọng ấy trước tiên quá lo âu vì cách đối xử của nàng, nên bỏ việc đến yết kiến bậc Ðạo Sư để nghe thuyết Pháp, song khi nàng đã hồi tâm, chàng lại đến. Bậc Ðạo Sư hỏi tại sao chàng không đến nghe Ngài thuyết giảng bảy tám ngày nay. Chàng kể lại mọi việc xảy ra. Bậc Ðạo Sư bảo:*  *- Lần này, ông không chịu nghe vợ, và không đuổi cha ra khỏi nhà, nhưng trong một đời quá khứ, ông làm theo lời vợ bảo, đã đem cha ra bỏ trong một nghĩa địa và đào cho ông lão một cái hố. Vào thời kỳ ông sắp giết cha, Ta được bảy tuổi và nhờ ta kể công đức cha mẹ và cản ông khỏi tội giết cha. Thời đó ông đã nghe lời Ta, và nhờ việc săn sóc cha trong lúc ông lão còn sống mà ông được sinh lên Thiên giới. Thời ấy Ta đã thuyết giảng và báo cho ông biết trước để đừng bỏ rơi cha khi sinh vào một đời khác; vì duyên cớ này nên ngày nay ông không chịu nghe theo lời người đàn bà kia bảo, và cha ông không bị giết hại.*  *Nói vậy xong, theo lời thỉnh cầu của người ấy, Ngài kể một chuyện quá khứ.*  \*  Ngày xưa, khi vua Brahamadatta trị vì ở Ba-la-nại, trong một làng kia ở Kàsi, một gia đình nọ có một con trai duy nhất tên gọi Vasitthaka. Chàng này nuôi nấng cha mẹ, và sau khi mẹ mất, chàng phụng dưỡng cha như đã tả ở phần đầu. Nhưng có chỗ khác ở đây là: Khi người đàn bà bảo: "Nhìn kia kìa! Cha chàng làm thế đó, thiếp cứ mãi van xin cha chàng đừng làm thế này thế nọ, cha chỉ nổi giận", nàng lại nói tiếp:  - Này phu quân, cha chàng hung dữ, độc ác lắm, vì cứ mãi gây sự cãi vã. Một lão già lụ khụ như vậy, lại bị bệnh hoạn giày vò, sắp chết đến nơi rồi, nên thiếp không thể ở cùng nhà với ông lão được. Trước sau gì ông lão cũng chết già thôi, vậy chàng hãy đem ông lão ra nghĩa địa, đào hố ném ông vào và lấy cái cuốc đập đầu ông đi; khi ông chết rồi hãy xúc đất lấp hố lại, và để mặc đó.  Cuối cùng, vì cứ nghe mãi những lời đinh tai nhức óc, chàng bảo:  - Này nàng ơi, giết người là việc hệ trọng, bằng cách nào ta có thể làm thế được?  Vợ đáp:  - Thiếp sẽ chỉ cho chàng một cách.  - Vậy cứ nói đi.  - Nào, phu quân, rạng ngày mai, hãy đến nơi cha chàng ngủ, nói thật lớn với ông lão để mọi người đều nghe được, rằng có một con nợ của cha ở một làng kia mà chàng đã đến gặp, nhưng gã không chịu trả tiền cho chàng. Nếu ông lão chết, thì gã ấy chẳng bao giờ trả nợ nữa. Vậy hãy nói rằng hai cha con sẽ cùng lái xe đến đó vào buổi sáng, rồi đến giờ đã định, chàng hãy cột đôi bò vào xe, đưa ông lão đến nghĩa địa. Khi chàng đến đó, hãy chôn ông vào cái hố và la to lên như thể chàng bị cướp giữa đường và bị thương, rồi gội đầu mà ra về.  Chàng bằng lòng làm theo lời bàn ấy và sắp sẵn chiếc xe bò lên đường. Lúc bấy giờ người ấy có một con trai lên bảy tuổi, nhưng rất khôn ngoan và thông minh. Cậu bé nghe lọt những chuyện mẹ nói, và nghĩ thầm: "Mẹ ta thật là một ác phụ, đang cố thuyết phục cha ta giết ông nội. Ta muốn ngăn cản cha ta khỏi tội giết người này."  Cậu ta liền chạy nhanh đến nằm cạnh ông nội. Vào giờ phút người vợ dặn dò, Vasitthaka đã sắp sẵn chiếc xe bò. Chàng bảo:  - Cha ơi, dậy đi, ta đi đòi nợ.  Rồi chàng đặt cha ngồi vào xe. Song cậu bé ngồi vào xe trước tiên. Vasitthaka không thể cản con được, nên cùng đem cậu đi ra nghĩa địa với họ. Sau đó, đem cha già và con trai ra để ngồi riêng một nơi với chiếc xe, còn chàng bước xuống lấy cuốc và cái giỏ đến một nơi, dấu mình cho họ khỏi thấy rồi bắt đầu đào một lỗ vuông lớn. Cậu bé đi xuống theo cha và làm như thể không biết việc gì đang xảy ra, cậu ngâm vần kệ đầu tiên để mở lời:  *1. Chẳng rau để luộc, cũng không hành, Chẳng bạc hà, cây để nấu canh, Nếu chẳng cần, sao cha bới đất Một mình, trong nghĩa địa rừng xanh?*  Rồi cha cậu đáp lại bằng cách ngâm vần kệ thứ hai:  *2. Ông nội già nua, quá yếu gầy, Do nhiều bệnh hoạn, khổ tràn đầy, Cha chôn ông nội trong mồ đó, Cha chẳng muốn ông sống thế này.*  Nghe thế, cậu bé đáp lại qua nửa vần kệ:  *Cha cầu việc ấy, tội đà gây, Vì việc làm này độc ác thay!*  Cùng với những lời trên, cậu bé chụp lấy cái cuốc từ tay cha cậu và bắt đầu đào một hố khác không xa đó mấy.  Cha cậu liền đến gần hỏi tại sao con đào hố đó, cậu đáp lại bằng cách ngâm hết vần kệ thứ ba:  *3. Con sẽ thờ cha lúc tuổi già Như cha đối xử với ông nhà, Theo phong tục ấy trong gia tộc, Con cũng chôn cha dưới hố mà.*  Người cha đáp lại qua kệ thứ tư:  *4. Thằng bé nói lời ác nghiệt thay, Ông cha sao mắng mỏ như vầy! Nghĩ rằng con trẻ rầy la bố, Với bạn chí tình, tệ lắm đây!*  Khi người cha nói vậy xong, cậu bé khôn ngoan ngâm ba vần kệ, một để đáp lời và hai để làm thành khúc thánh đạo ca:  *5. Con không tồi tệ hoặc hung tàn, Con đối với cha, dạ thiết thân, Nhưng việc này cha làm đại ác, Sức nào gỡ lại, nếu sai lầm?  6. Người ác ý làm, hỡi Vat-tha, Hại người vô tội, mẹ cùng cha, Ðến khi người ấy thân vong hoại, Ðịa ngục phải vào, chắc chẳng xa.  7. Người dùng cơm nước, hỡi Vat-tha, Ðem phụng dưỡng luôn mẹ với cha, Người ấy đến khi thân hủy hoại, Sẽ lên Thiên giới hiển nhiên mà.*  Người cha sau khi con thuyết giáo, liền ngâm vần kệ thứ tám:  *8. Thấy con không tàn nhẫn, vong ơn, Ðối với cha đầy dạ mến thương, Chính bởi cha vâng lời của mẹ, Ðịnh làm việc ác thật kinh hồn.*  Khi nghe vậy, cậu bé bảo:  - Thưa cha, đàn bà hễ khi làm việc ác mà không bị khiển trách, thì còn tái phạm mãi. Vậy cha phải uốn nắn mẹ con để cho mẹ sẽ chẳng bao giờ làm lại một việc như vậy.  Rồi cậu ngâm vần kệ thứ chín:  *9. Vợ cha là ác phụ vô lương, Bà đã sinh con, chính mẹ con, Ta hãy đuổi bà ra khỏi cửa, Sợ bà gây việc khác cha buồn.*  Nghe lời đứa con khôn ngoan, Vasittha rất hoan hỷ bảo:  - Nào ta đi con!  Chàng lại ngồi vào xe bò với cha và con mình.  Lúc bấy giờ người đàn bàn gây tội ác ấy cũng sung sướng lắm vì tưởng rằng đã tống được con người xui xẻo ra khỏi nhà rồi. Nàng trét đầy phân bò ướt trên sàn và nấu một mẻ cháo gạo. Song khi nàng ngồi trông ra con đường mà họ sẽ trở về, nàng thấy họ đang tiến đến: "Kìa chàng ta đã về, lại có lão già xui xẻo ấy nữa". Nàng suy nghĩ, lòng đầy tức giận: "Hừ! Ðồ vô dụng". Nàng la lớn:  - Sao, đem về cái của nợ chàng đã mang đi vứt ấy à?  Vasittha không nói một lời, và mở tháo dây chiếc xe bò ra. Rồi chàng bảo:  - Cô nói gì thế?  Chàng đánh cho nàng một trận nên thân, rồi chụp đầu nàng tống ra khỏi cửa, cấm nàng đừng bao giờ đến làm bẩn cửa nhà chàng nữa. Rồi chàng tắm cho cha và con, chính chàng cũng tắm luôn, và cả ba ngồi ăn cháo gạo. Còn người đàn bà độc ác liền đến ở nhà khác vài ngày.  Sau đó cậu bé bảo cha:  - Cha ơi, về việc này mẹ con chưa hiểu đâu. Bây giờ ta thử chọc tức bà ấy đi. Cha tung tin trong làng kia có cô cháu gái của cha, muốn săn sóc cha, ông và con, vì vậy cha định đem cô ấy về, rồi cha lấy hoa tươi và dầu thơm để lên xe, và cứ đi quanh vùng suốt ngày đến tối mới về nhà.  Chàng làm theo như vậy. Những bọn đàn bà trong xóm nhà chàng đến bảo nàng:  - Chị có nghe nói chồng chị đã đi kiếm một cô vợ khác ở một chỗ nào đó chăng?  Nàng kêu lên:  - Ôi thế là ta tàn đời rồi, chẳng còn chỗ nào dành cho ta cả!  Nhưng nàng muốn hỏi thăm con nàng, vì thế nàng vội vã đi tìm con, sụp xuống chân nó, kêu khóc lên:  - Trừ con ra, mẹ chẳng có nơi đâu nương tựa nữa! Từ nay về sau mẹ cố quyết chăm sóc cha con và ông nội như thể chăm sóc ngôi bảo tháp tuyệt đẹp vậy. Cho mẹ vào nhà lần nữa đi con!  - Vâng thưa mẹ - Cậu đáp - Nếu mẹ không làm gì như trước thì con sẽ để mẹ vào, thôi mẹ hãy vui lên nào.  Và khi cha cậu về, cậu ngâm vần kệ thứ mười:  *10. Bà vợ cha kìa, bạc ác thay, Người sinh con trẻ, chính là đây, Như voi được luyện rất thuần thục, Cho trở lui, người tội lỗi này.*  Cậu nói thế với cha xong, liền đi gọi mẹ cậu vào. Nàng làm lành với chồng và cha chồng xong, từ đó tánh tình thuần thục tràn đầy đức độ chân chính, và săn sóc cả cha, chồng cùng con chu đáo. Cả hai vợ chồng cương quyết theo lời con khuyên nhủ, chuyên bố thí và làm các thiện sự, rồi được sinh lên cộng trú với Thiên chúng.  \*  *Sau khi chấm dứt Pháp thoại, bậc Ðạo Sư tuyên thuyết các Sự Thật. Lúc kết thúc các Sự Thật, người con hiếu thảo được an trú vào Sơ quả (Dự Lưu).*  *Rồi Ngài nhận diện Tiền thân:*  *- Lúc bấy giờ hai cha con và nàng dâu ấy cũng là những người này, còn cậu bé khôn ngoan ấy chính là Ta.*  -ooOoo-  [**Đầu trang**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-07.html#top) **|** [**Mục lục**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-00.html) **|** [**01**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-01.html) **|** [**02**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-02.html) **|** [**03**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-03.html) **|** [**04**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-04.html) **|** [**05**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-05.html) **|** [**06**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-06.html) **| 07 |** [**08**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-08.html) **|** [**09**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-09.html) **|** [**10**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-10.html) **|** [**11**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-11.html) **|** [**12**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo7\tb7-12.html) |

*Chân thành cám ơn anh HDC đã có thiện tâm giúp tổ chức đánh máy vi tính (B. Anson, 02-2004).*

**[**[**Mục lục Tiểu Bộ**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\u-kinh-tieubo1\tieubo-00.html)**][**[**Thư Mục Tổng Quát**](file:///D:\tmp\github\utilities\KinhPhat\kinhtang\index.html)**]**

*last updated: 09-03-2004*